

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Trong nền kinh tế thị trường, kế toán trong các doanh nghiệp được coi là ngôn ngữ kinh doanh, là phương tiện giao tiếp giữa doanh nghiệp với các đối tượng có liên quan với doanh nghiệp. Kế toán cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính hữu ích cho các đối tượng trong việc ra quyết định kinh tế hợp lý và hiệu quả. Trong những năm gần đây, xu hướng toàn cầu hóa, hợp tác phát triển các loại hình doanh nghiệp ở nước ta khá đa dạng và phong phú đã cho phép nhiều nhà đầu tư hoạt động. Vì vậy đòi hỏi thông tin kế toán phải trung thực, lành mạnh và đáng tin cậy nhằm giúp người sử dụng thông tin kế toán đưa ra được các quyết định đúng đắn trong tương lai.

Mặt khác, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp luôn quan tâm đến chi phí, doanh thu thực hiện được và tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Đứng trước xu thế mở cửa hội nhập với kinh tế khu vực và quốc tế, vấn đề cấp bách đặt ra cho các doanh nghiệp là làm thế nào nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện thị trường có sự tham gia của các công ty nước ngoài, công ty đa quốc gia. Một trong những biện pháp đó chính là tổ chức thực hiện tốt công tác kế toán, đặc biệt là kế toán doanh thu xác định kết quả kinh doanh.

Để góp phần thực hiện tốt công tác kế toán trong các doanh nghiệp nói chung và công ty cổ phần sơn Hải Phòng nói riêng, em đã lựa chọn tham gia nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần sơn Hải Phòng”**.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.

-Về mặt lý luận: Hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần sơn Hải Phòng.

- Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần sơn Hải Phòng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

* Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần sơn Hải Phòng.

* Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: Đề tài được thực hiện tại Công ty cổ phần sơn Hải Phòng.
- Về thời gian: Đề tài được thực hiện từ ngày 28/04/2010 đến ngày 22/06/2010.
- Việc phân tích được lấy từ số liệu của năm 2009.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Thu thập số liệu tại đơn vị thực tập.
- Phân tích các số liệu ghi chép trên sổ sách của công ty (Sổ cái, Sổ chi tiết, Sổ tổng hợp, Báo cáo tài chính,..).
- Phỏng vấn lãnh đạo công ty.
- Tham khảo một số sách chuyên ngành kế toán và một số văn bản quy định chế độ tài chính hiện hành.

5. Kết cấu khóa luận tốt nghiệp

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, khóa luận được trình bày trong ba chương:

- Chương 1: Những vấn đề chung về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
- Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần sơn Hải Phòng.
- Chương 3: Hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần sơn Hải Phòng.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP.

1.1. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN DOANH THU

1.1.1. Khái niệm

❖ Doanh thu:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu tùy theo loại hình sản xuất kinh doanh bao gồm:

➤ Nếu xét theo loại hình sản xuất kinh doanh, doanh thu bao gồm:

+ Doanh thu bán hàng

+ Doanh thu cung cấp dịch vụ

+ Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được chia

➤ Nếu xét theo thời gian, không gian, tính chất kinh tế thì doanh thu bao gồm:

+ Doanh thu bán hàng ra ngoài

+ Doanh thu tiêu thụ nội bộ

➤ Nếu xét về thời điểm kết thúc tiêu thụ, doanh thu bao gồm:

+ Doanh thu bán hàng thu tiền ngay

+ Doanh thu bán hàng trả chậm, trả góp

1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 và các chuẩn mực kế toán có liên quan.

Việc ghi nhận doanh thu, chi phí phải theo nguyên tắc phù hợp. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

➤ Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định là tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả của phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

➤ Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:
 - + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:
 - + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
 - + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền lợi nhuận từ việc góp vốn.

1.1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu

Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng 1 giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và phải theo năm tài chính.

- Chỉ ghi nhận doanh thu trong kì kế toán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức và lợi nhuận được chia đã được quy định theo chuẩn mực kế toán số 14 và các quy định của chế độ kế toán hiện hành.

- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng hợp thanh toán..

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

1.1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác chi phí phát sinh trong kì cho đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kì kế toán.

- Phản ánh, tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động kinh doanh trong kì của doanh nghiệp nhằm xác định và phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn, hợp lí.

- Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kì phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

1.2. TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

❖ Các phương thức bán hàng chủ yếu trong doanh nghiệp:

✚ *Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng:*

Trường hợp giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho của doanh nghiệp hoặc tại các phân xưởng sản xuất thông qua kho thì số sản phẩm này khi đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ.

Trường hợp giao hàng tại kho của bên mua hoặc tại địa điểm nào đó đã quy định trước trong hợp đồng: sản phẩm khi xuất kho chuyển đi vẫn còn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng đã chuyển giao thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ.

✚ *Phương thức gửi hàng đi cho khách hàng:*

Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hóa đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

✚ *Phương thức gửi đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng:*

Đối với đơn vị có hàng gửi bán (chủ hàng): Khi xuất hàng cho các đại lý thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý một khoản hoa hồng tính theo tỷ lệ

% trên giá của số hàng gửi bán thực tế đã bán được. Khoản hoa hồng phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng.

Đối với đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi: số sản phẩm, hàng hóa nhận bán ký gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của các đại lý chính là khoản hoa hồng được hưởng.

+ Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp không được phản ánh vào tài khoản doanh thu (TK 511), mà hạch toán như khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK 515). Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần.

+ Phương thức hàng đổi hàng:

Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư, hàng hóa để đổi lấy vật tư, hàng hóa khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hóa tương ứng trên thị trường.

❖ Chứng từ và tài khoản sử dụng:

+ Chứng từ sử dụng:

+ Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02/GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01/GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

+ Bản thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 - BH)

+ Thẻ quầy hàng (Mẫu 15 – BH)

+ Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyên khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...)

+ Tờ khai thuế GTGT (Mẫu số 07A/GTGT).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Chứng từ kế toán liên quan khác như: Phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hóa đơn vận chuyển, bốc dỡ,...

Tài khoản sử dụng:

- Kế toán sử dụng TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán nếu có. Số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn (GTGT), hóa đơn bán hàng hoặc trên các chứng từ khác có liên quan tới việc bán hàng, hoặc giá thỏa thuận giữa người mua và người bán.

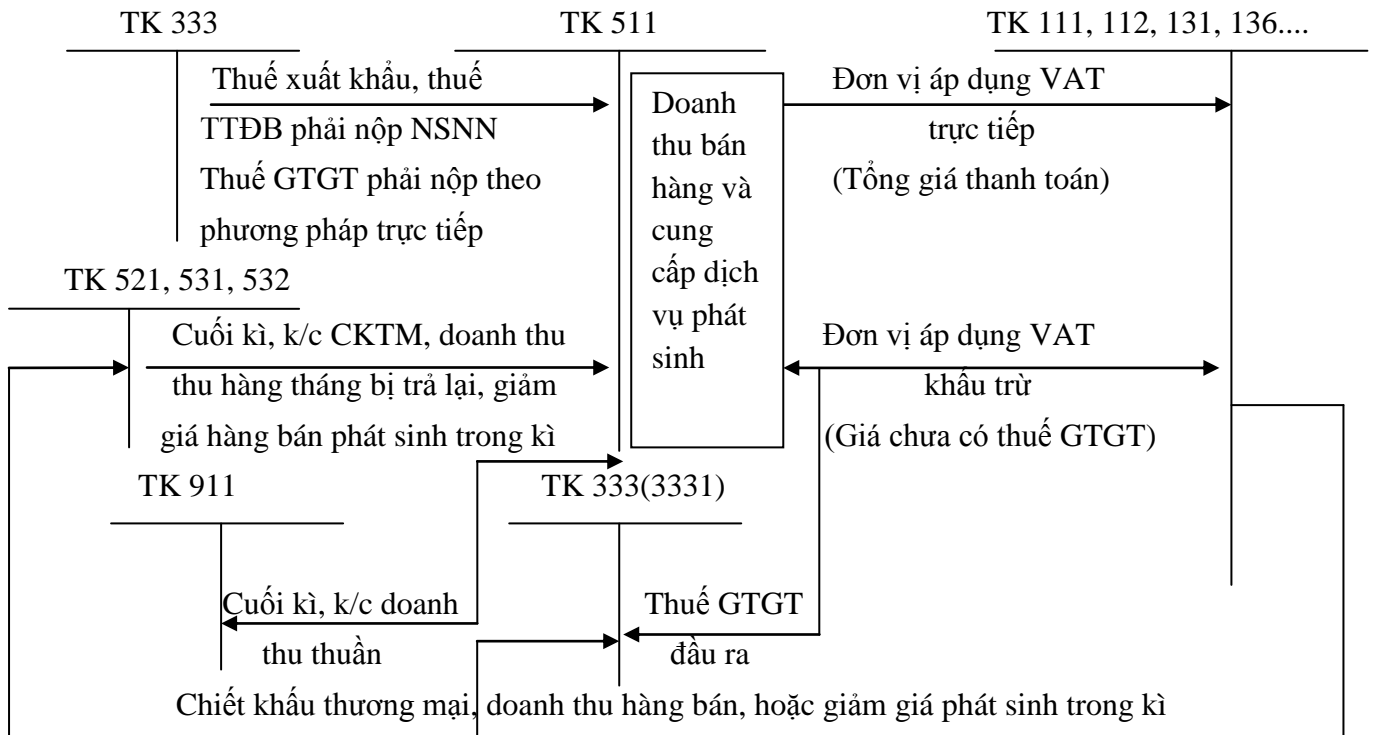
- TK 511 có 5 TK cấp 2:
 - TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
 - TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm
 - TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
 - TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản
 - TK 5118: Doanh thu khác
- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 511.

Nợ	TK 511	Có
- Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Khoản chiết khấu thương mại; trị giá hàng bán bị trả lại; giảm giá hàng bán. - Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

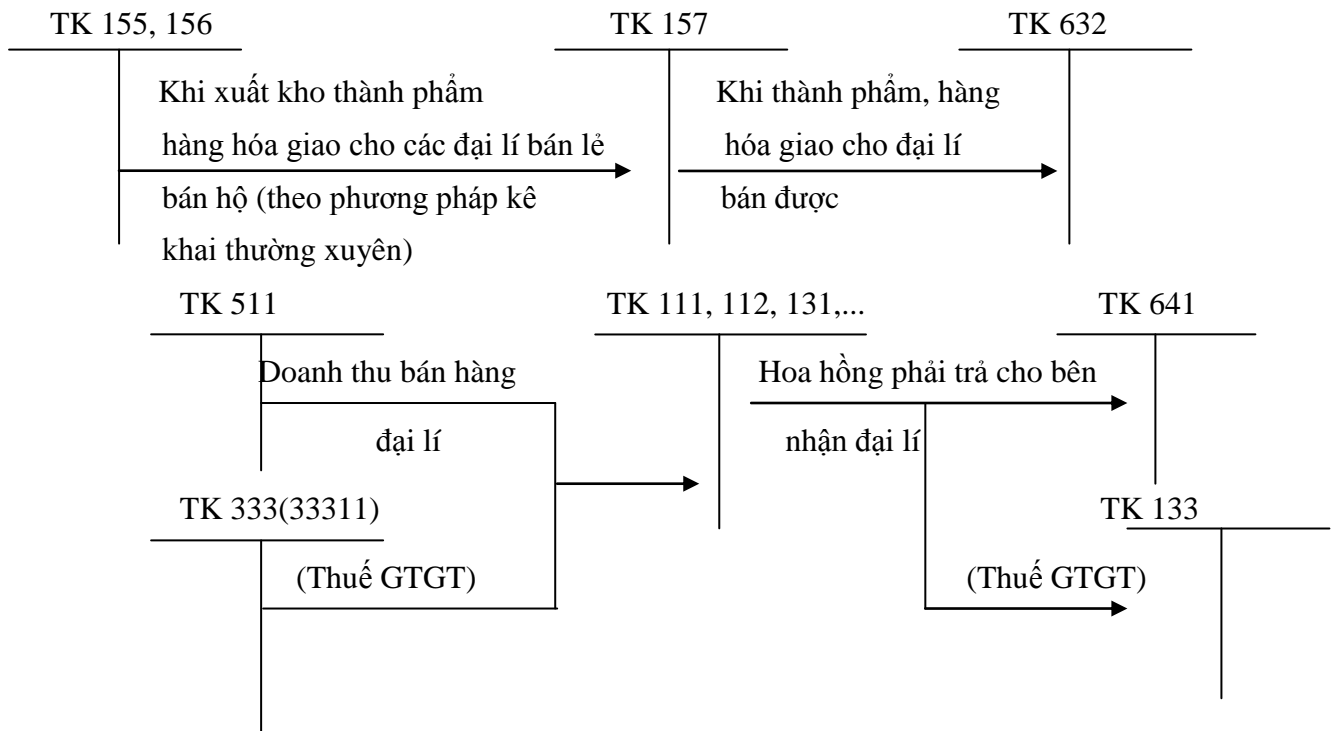
TK 511 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp hạch toán

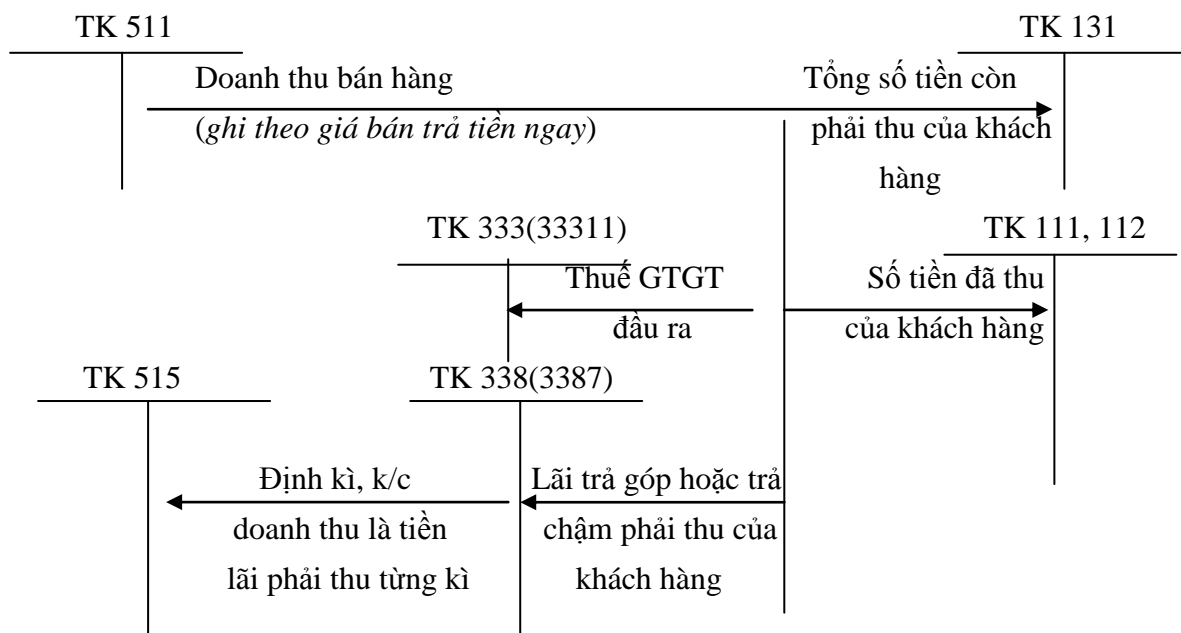
Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



**Sơ đồ 1.2: Kế toán hàng bán thông qua đại lí
(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)**



Sơ đồ 1.3: Kế toán theo phương pháp trả chậm (hoặc trả góp)



1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Kế toán chiết khấu thương mại.

❖ Khái niệm:

Chiết khấu thương mại là khoản mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua hàng do người mua đã mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

Trường hợp người mua mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm vào giá bán trên “Hóa đơn GTGT” hoặc “Hóa đơn bán hàng” lần cuối cùng.

Trường hợp người mua hàng, mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

❖ Tài khoản sử dụng:

- Kế toán sử dụng TK 521 – Chiết khấu thương mại.
- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 521:

Nợ	TK 521		Có
- Khoản chiết khấu thương mại đã chấp chấp nhận thanh toán cho khách hàng.			- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 và TK 512 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.
Σ Số phát sinh Nợ			Σ Số phát sinh Có

TK 521 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.2. Hàng bán bị trả lại

❖ Khái niệm:

Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, trị giá hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại tại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

❖ Tài khoản sử dụng:

- Kế toán sử dụng TK 531 – Hàng bán bị trả lại.
- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 531

Nợ	TK 531		Có
- Trị giá hàng bán bị trả lại.			- Kết chuyển toàn bộ doanh thu của số hàng bị trả lại vào bên Nợ TK 511 hoặc TK 512.
Σ Số phát sinh Nợ			Σ Số phát sinh Có

TK 531 không có số dư cuối

1.2.2.3. Kế toán giảm giá hàng bán (GGHB)

❖ Khái niệm:

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận trên giá đã thỏa thuận trong hóa đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách... đã ghi trong hợp đồng.

❖ Tài khoản sử dụng:

- Kế toán sử dụng TK 532 – Giảm giá hàng bán.
- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 532:

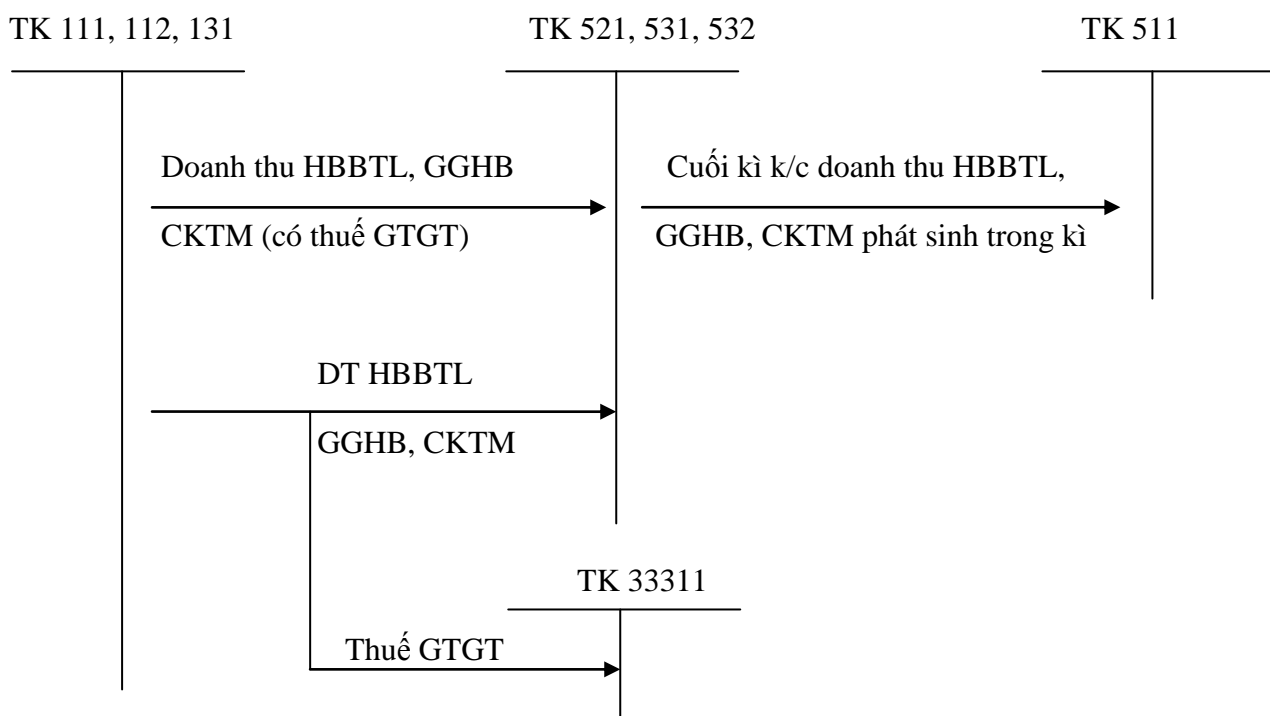
Nợ	TK 532	Có
- Các khoản giảm giá đã chấp nhận cho người mua hàng.		- Kết chuyển toàn bộ doanh thu của số giảm giá hàng bán vào bên Nợ TK 511 hoặc TK 512
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 532 không có số dư cuối kỳ

Khi phản ánh vào TK 532 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hóa đơn, tức là sau khi đã có hóa đơn bán hàng. Không phản ánh vào tài khoản này số giảm giá đã được ghi trên hóa đơn bán hàng và đã được trừ vào tổng giá trị bán trên hóa đơn.

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.4: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2.4. Các khoản thuế làm giảm doanh thu.

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính:

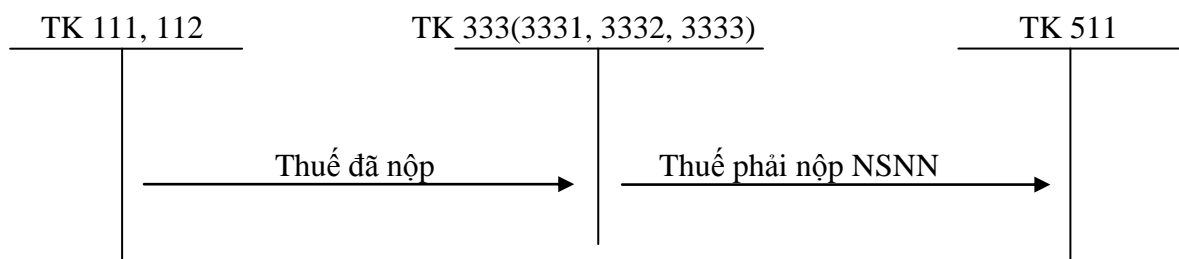
$$\begin{aligned}
 \text{+) Số thuế GTGT phải nộp} &= \text{GTGT của Hàng hóa, dịch vụ} \times \text{Thuế suất thuế GTGT (\%)} \\
 \text{+) GTGT của hàng hóa, dịch vụ} &= \text{Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra} - \text{Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua tương ứng}
 \end{aligned}$$

- Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB): là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

❖ Cách tính:

- Thuế TTĐB phải nộp = Giá tính thuế TTĐB x Thuế suất.
- Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hóa mà hàng hóa đó phải chịu thuế xuất khẩu.

Sơ đồ 1.5: Hạch toán các khoản thuế giảm doanh thu



1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Tiền lãi; Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản; Cổ tức, lợi nhuận được chia; Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn,...

❖ Tài khoản sử dụng:

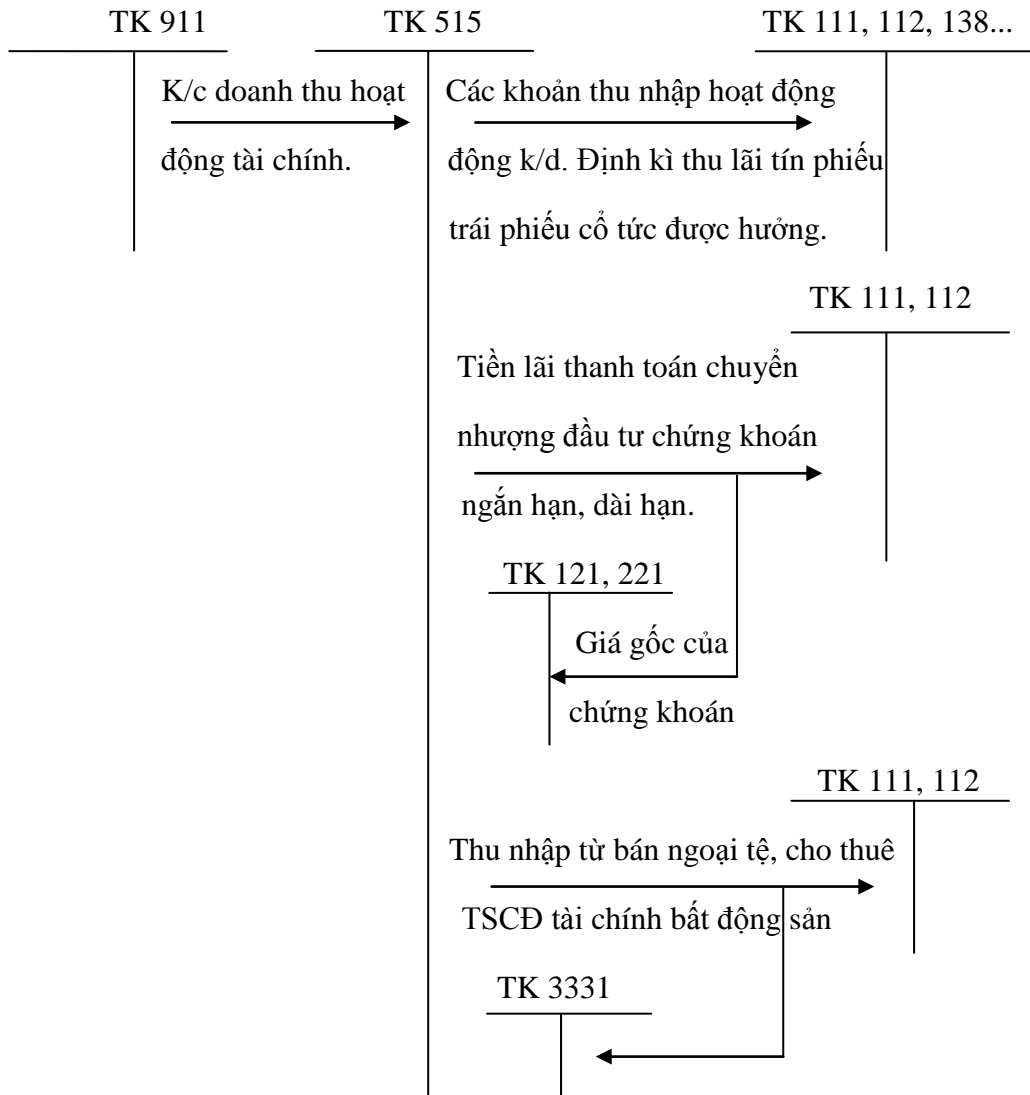
- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 515

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - K/c doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911.		Doanh thu hoạt động tài chính phát trong kỳ.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 515 không có số dư cuối kỳ

❖ *Phương pháp hạch toán:*

Sơ đồ 1.6: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.4. Kế toán thu nhập khác.

Là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; các khoản thuế được NSNN hoãn lại; thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có); thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của tổ chức, các nhân tặng cho doanh nghiệp, các khoản thu nhập khác ngoài các khoản trên.

❖ Tài khoản sử dụng:

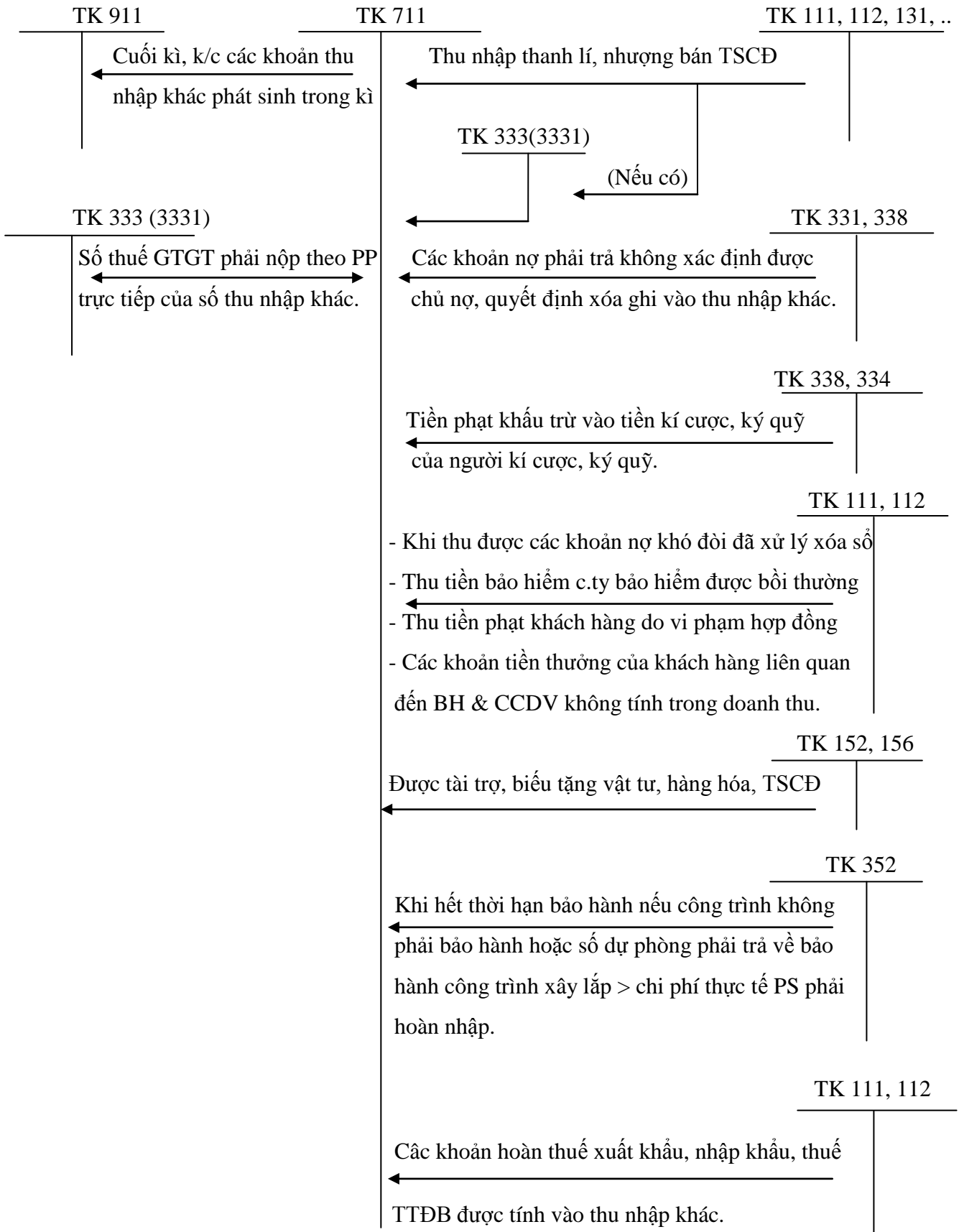
- Kế toán sử dụng TK 711 – Thu nhập khác
- Kết cấu TK 711 như sau:

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có – tại các doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp). - Cuối kỳ, k/c các khoản thu nhập khác trong kỳ sang TK 911.	-	Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Σ Số phát sinh Nợ	-	Σ Số phát sinh Có

TK 711 không có số dư cuối kỳ

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.7: Hạch toán thu nhập khác.



1.3. TỔ CHỨC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

Để xác định được kết quả kinh doanh ngoài việc xác định doanh thu tiêu thụ trong kì, thì mỗi doanh nghiệp cần tập hợp toàn bộ chi phí phát sinh trong kì.

1.3.1. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất kinh doanh

1.3.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

1.3.3.1.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng tồn kho.

- Phương pháp bình quân gia quyền.
 - + Phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ.
 - + Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.
- Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO).
- Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO).
- Phương pháp thực tế đích danh.

1.3.3.1.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 - VT)
- Bảng tính và phân bổ: NVL – CC,DC.
- Các chứng từ, hóa đơn khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

Giá vốn hàng bán là giá vốn thực tế xuất kho của số hàng hóa (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- Kế toán sử dụng TK 632 – Giá vốn hàng bán.
- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 632 có sự khác nhau giữa 2 phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ:

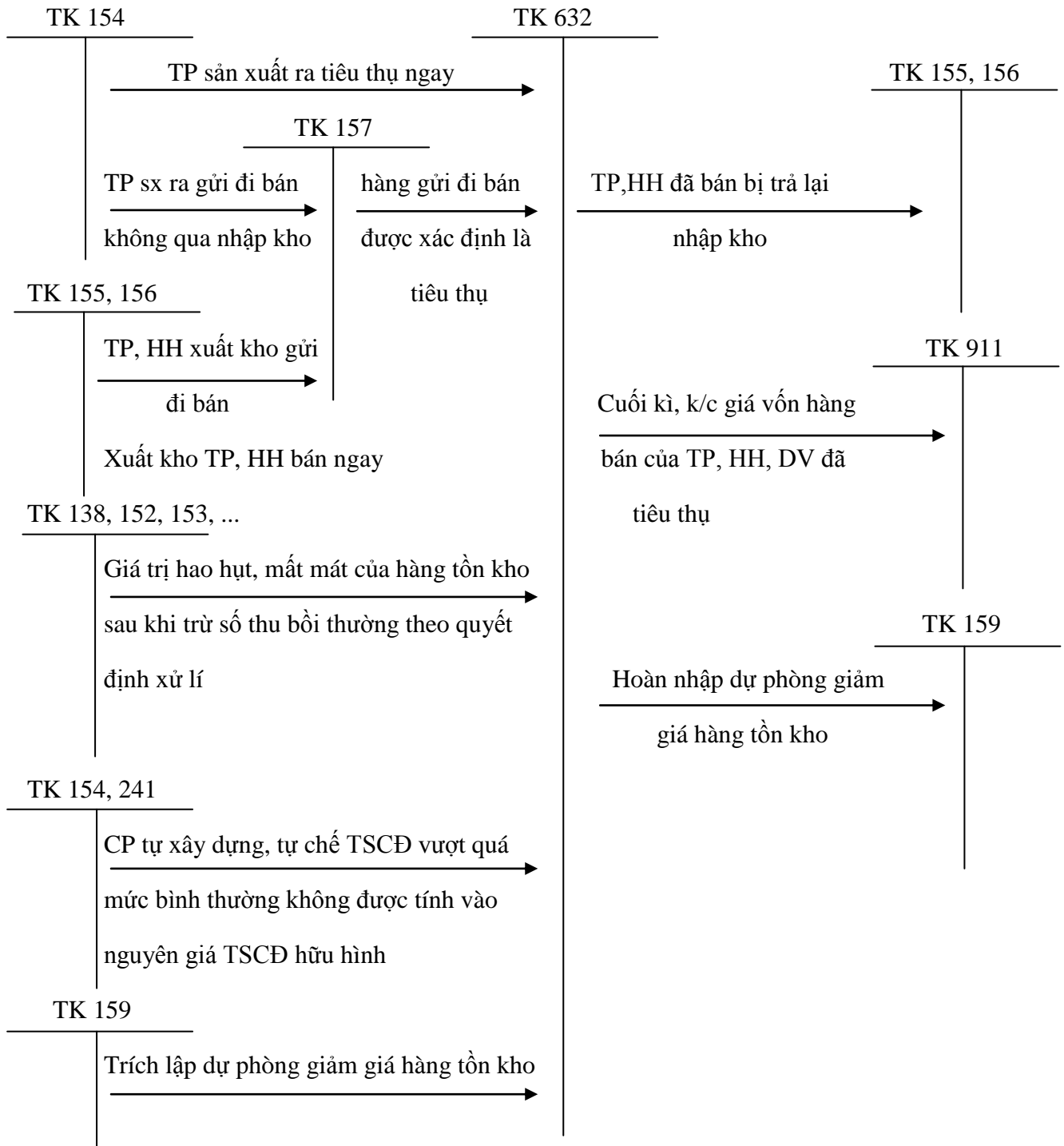
✚ Theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. - Phản ánh CPNVL, CPNC vượt trên mức bình thường và CPSXC cố định không phân bổ được tính vào trị giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kì kế toán. - Phản ánh khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ tự xây dựng, tự chế hoàn thành. - Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính - Giá vốn của hàng bán bị trả lại. - K/c giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911 - xác định kết quả kinh doanh. 	
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.8: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX



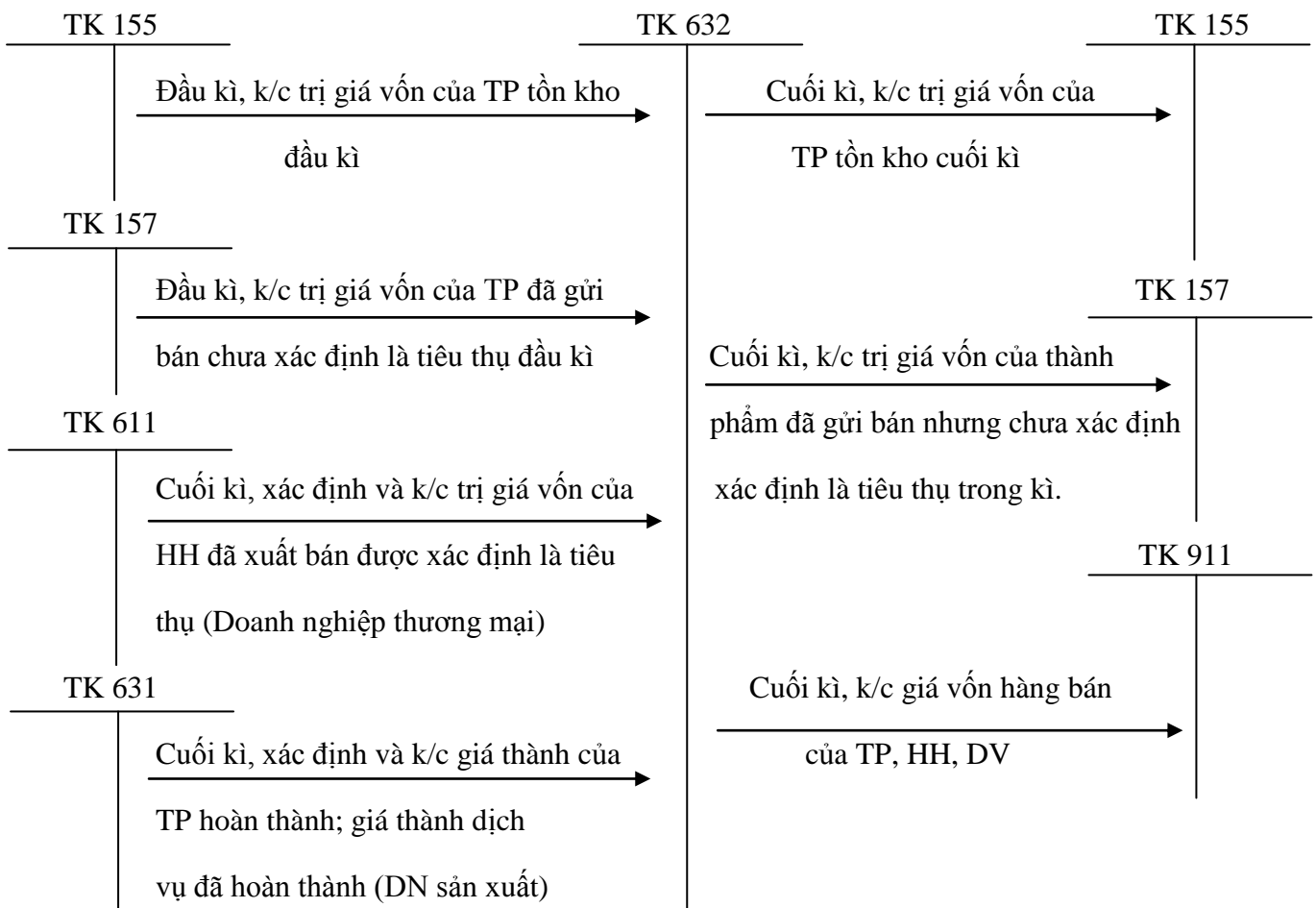
✚ Theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn thành phẩm (TP) tồn đầu kỳ. - Trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ đầu kỳ. - Tổng giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành.		- K/c giá vốn thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155. - K/c trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ cuối kỳ vào bên Nợ TK157 - K/c giá vốn hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã xuất bán sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.9: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK



1.3.3.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,... khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

❖ Tài khoản sử dụng:

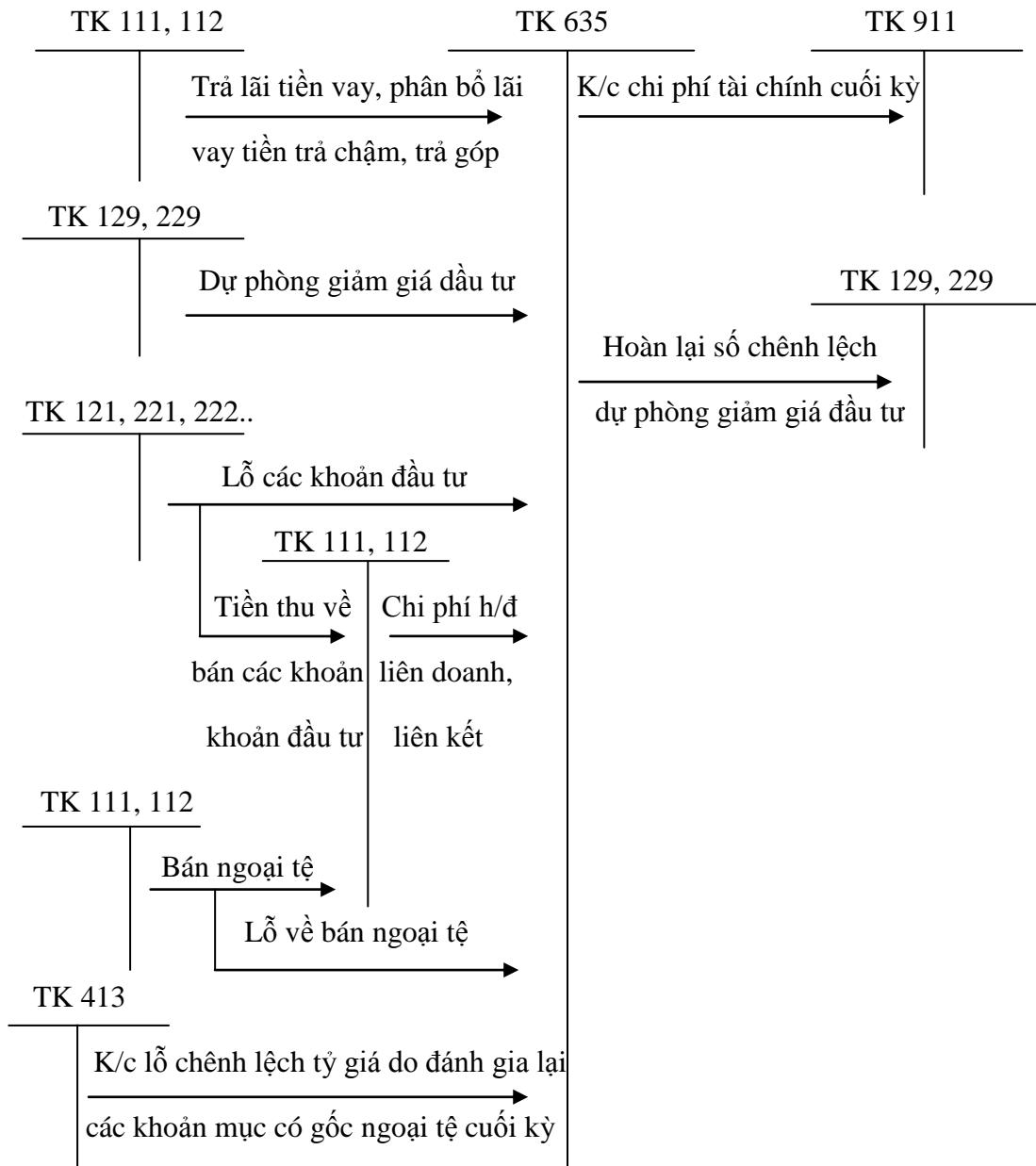
- Kế toán sử dụng TK 635 – Chi phí tài chính
- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 635:

Nợ	TK 635	Có
- Tập hợp toàn bộ các khoản chi phí thuộc hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ, các khoản lỗ thuộc hoạt động tài chính và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, chi phí đất chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng xác định là tiêu thụ.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Cuối kỳ, k/c toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 635 không có số dư cuối kỳ

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.10: Hạch toán chi phí hoạt động tài chính



1.3.3.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.3.3.3.1. Kế toán chi phí bán hàng (CPBH).

❖ Chứng từ sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 - LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 - TSCĐ).
- Bảng phân bổ NVL – Công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Các chứng từ gốc có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bao gồm: chi phí bảo quản, chi phí quảng cáo, đóng gói, vận chuyển, giao hàng, hoa hồng bán hàng, bảo quản sản phẩm,...

• TK 641 – Chi phí bán hàng, gồm 7 tài khoản cấp 2:

- + TK 6411: Chi phí nhân viên
- + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + 6415: Chi phí bảo hành.
- + 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + 6418: Chi phí khác bằng tiền.

• Kết cấu và nội dung phản ánh TK 641:

Nợ	TK 641	Có
- Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát tế sinh trong kỳ.		- Các khoản giảm chi phí bán hàng (nếu có). - K/c chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 641 không có số dư cuối kỳ

1.3.3.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ Chứng từ sử dụng:

- Căn cứ vào các bảng phân bổ (bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ vật liệu và công cụ, dụng cụ, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ).

- Các chứng từ gốc có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp, bao gồm: chi phí hành chính, tổ chức, văn phòng, các chi phí chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

• TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp, TK 642 có 8 TK cấp 2 như sau:

+ TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.

+ TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.

+ TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.

- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6425: Thuế, phí, và lệ phí.
- + TK 6426: Chi phí dự phòng.
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

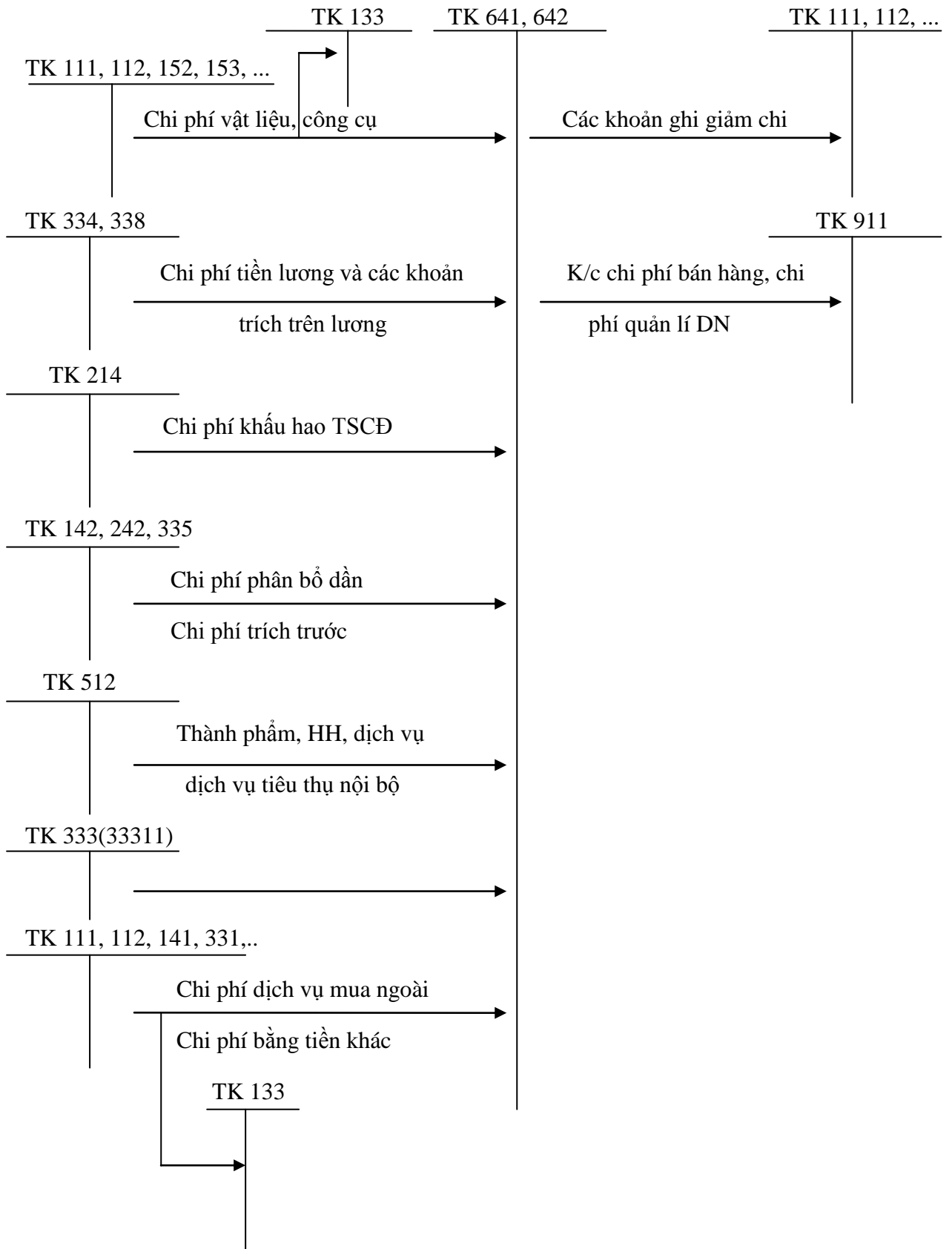
- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 642:

Nợ	TK 642	Có
- Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.	- Các khoản được phép ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp. - K/c chi phí QLDN sang bên Nợ TK 911	
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 642 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.11: Hạch toán chi phí bán hàng, QLDN



1.3.3.4. Kế toán chi phí hoạt động khác.

Là những khoản chi phí của hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh bao gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; bị phạt thuế, truy nộp thuế; các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; các khoản chi phí khác.

❖ Tài khoản sử dụng:

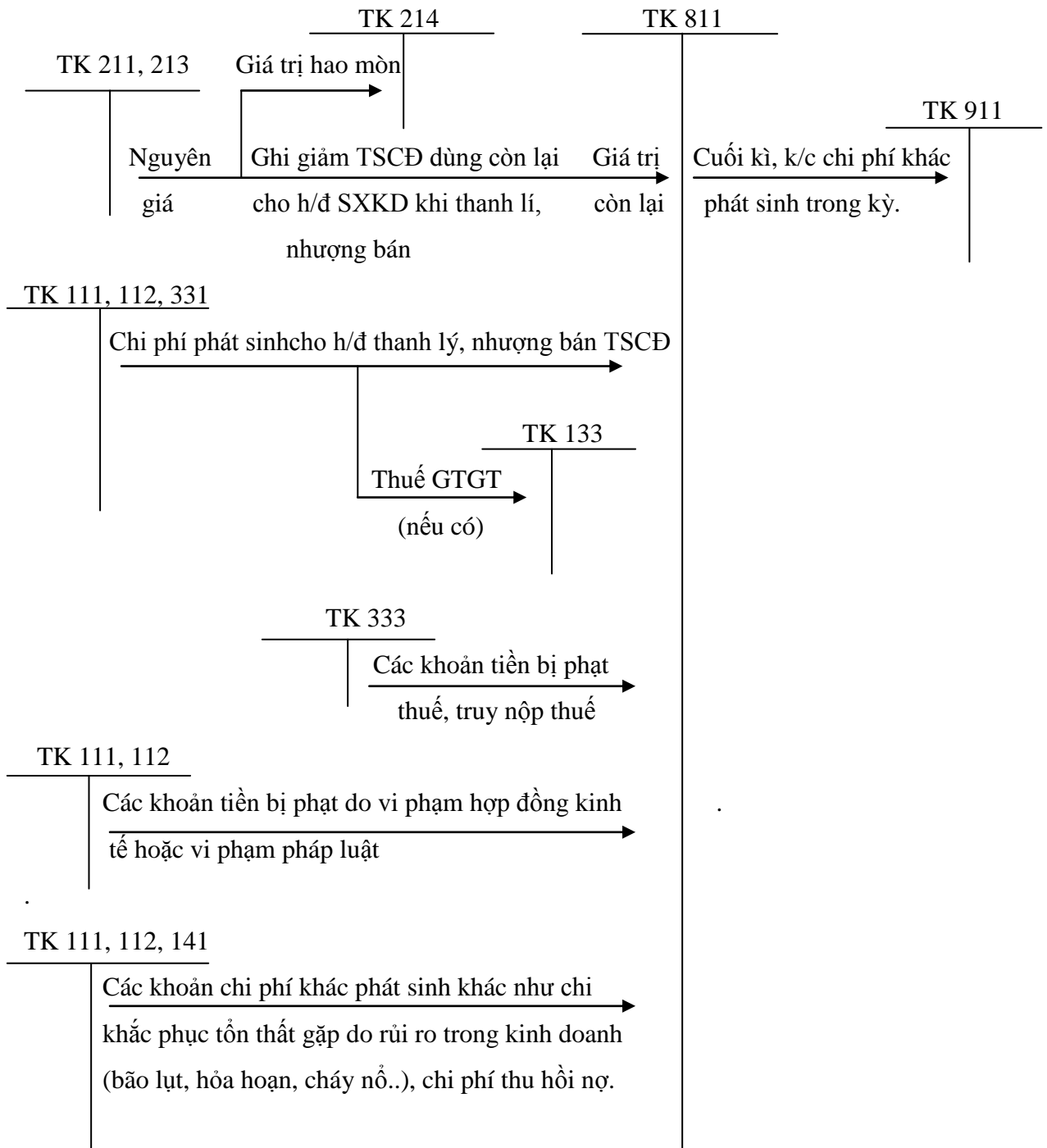
- Kế toán sử dụng TK 811 – Chi phí khác.
- Kết cấu TK 811 như sau:

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh		- Cuối kỳ, k/c toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ vào TK 911.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 811 không có số dư cuối kỳ

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.12: Hạch toán chi phí hoạt động khác.



1.3.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

❖ Tài khoản sử dụng:

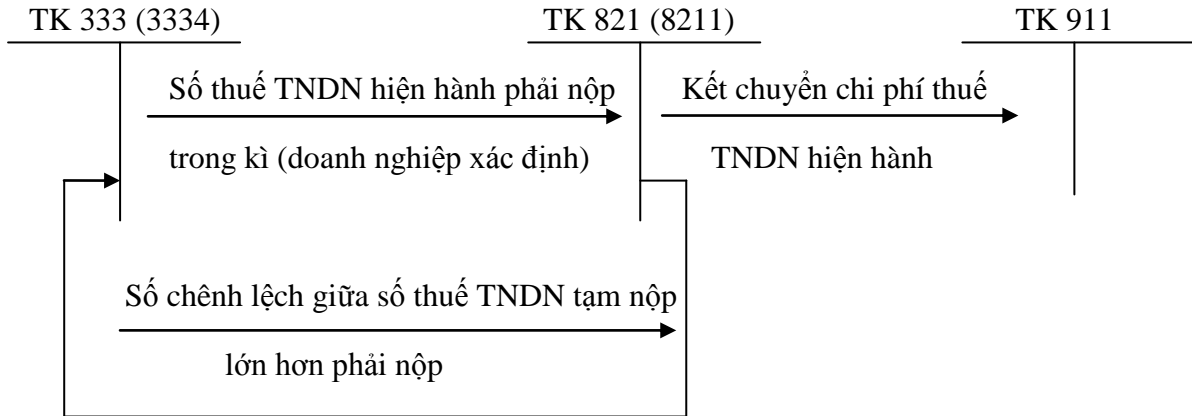
- TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, gồm 2 TK cấp 2:
 - + TK8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
 - + TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm. - Thuế TNDN của năm trước phải nộp bổ sung. - Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại - K/c chênh lệch giữa số phát sinh bên Có > hơn bên Nợ TK 8212 phát sinh trong năm vào bên Có TK 911		- Số thuế TNDN phải nộp trong năm. - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện các sai sót của các năm trước - Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại. - K/c số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ > bên Có TK 8212 phát sinh.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

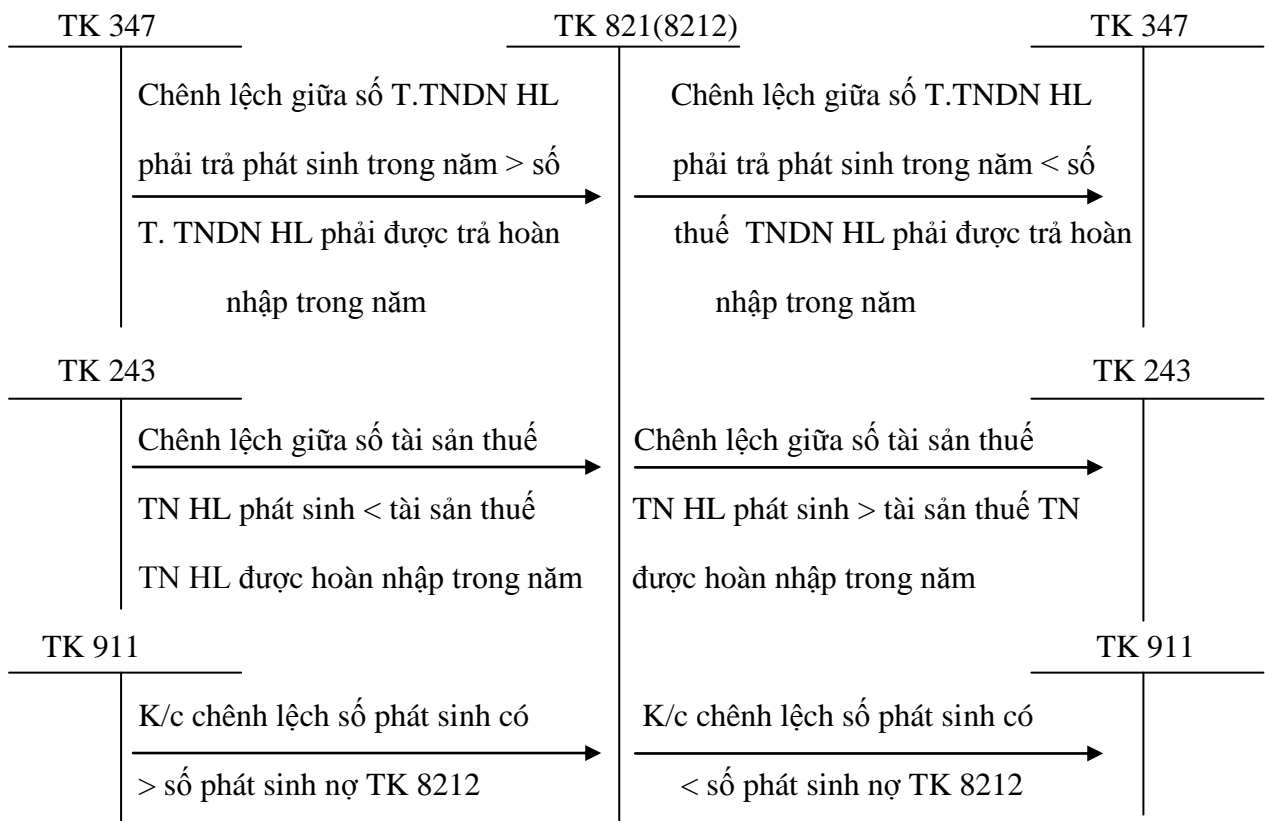
TK 821 không có số dư cuối kỳ

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.13.1: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



Sơ đồ 1.13.2: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (TNDN HL)



1.3.2. Kế toán kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh (bán hàng).

Sau khi tập hợp được toàn bộ doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ, kế toán xác định kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh.

❖ Tài khoản sử dụng:

Kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

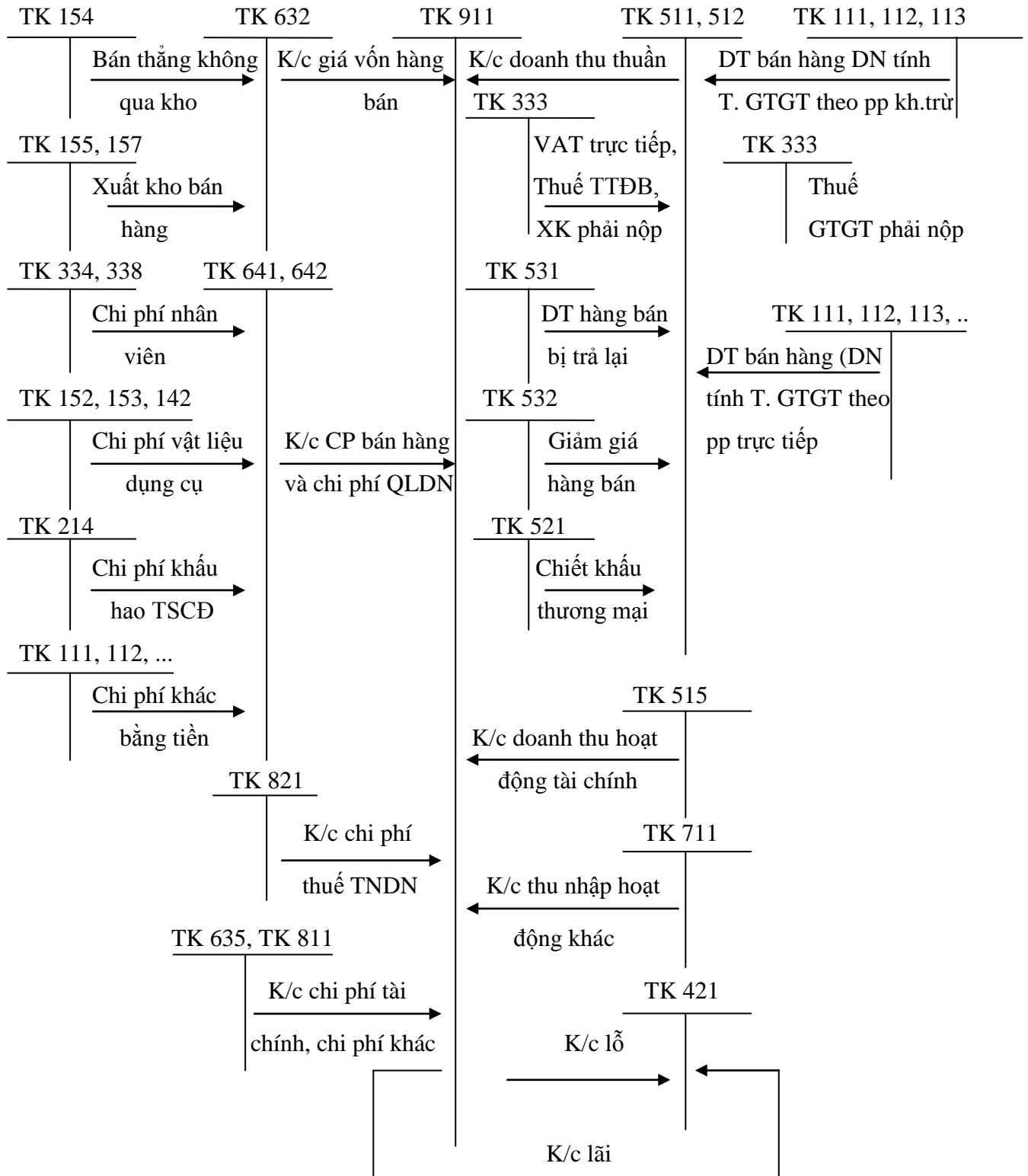
- Kế toán sử dụng TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 911:

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ. - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí và chi phí khác. - K/c lãi sau thuế.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính - Thu nhập khác. - K/c lỗ.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 911 không có số dư cuối kỳ

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.14: Hạch toán doanh thu và xác định kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh



1.4. TỔ CHỨC SỔ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

Để ghi chép, hệ thống hóa thông tin kế toán, doanh nghiệp phải sử dụng một hình thức kế toán nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động SXKD của doanh nghiệp và trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có.

Hiện nay, các doanh nghiệp có thể áp dụng một trong bốn hình thức sổ kế toán sau:

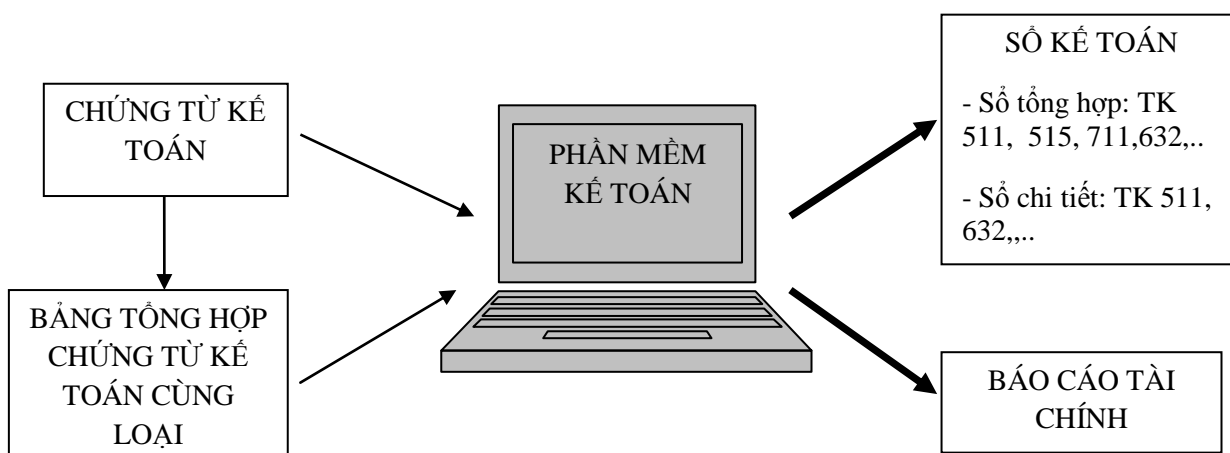
- Hình thức Nhật ký – sổ cái
- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Nhật ký chứng từ
- Hình thức Chứng từ ghi sổ

Tại Công ty cổ phần sơn Hải Phòng sử dụng phần mềm kế toán CADS được thiết kế theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

❖ Đặc trưng cơ bản của kế toán trên máy vi tính

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán. Nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và các báo cáo tài chính theo quy định.

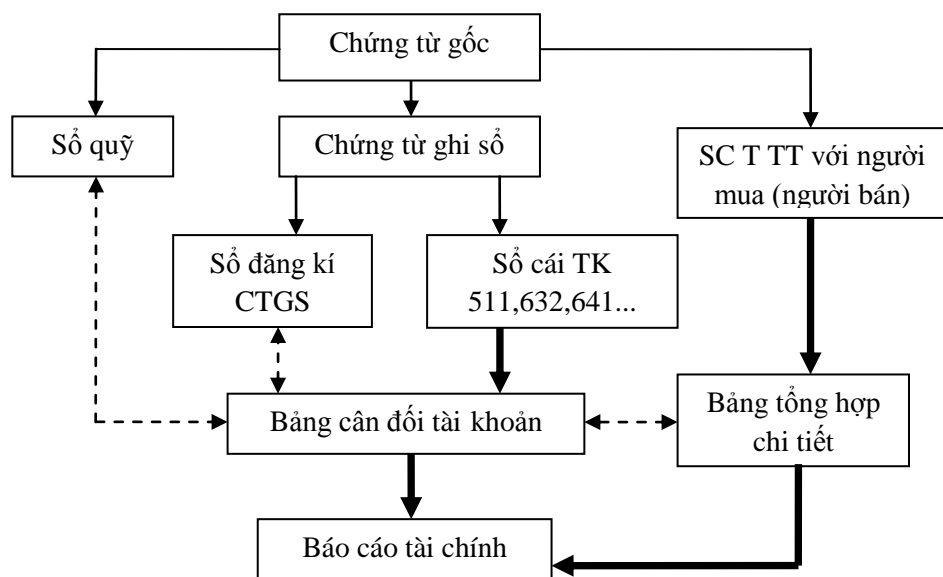
Sơ đồ 1.15: Trình tự hạch toán theo hình thức trên máy vi tính



❖ **Nội dung hình thức Chứng từ ghi sổ**

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại tổng hợp để lập Chứng từ ghi sổ, căn cứ vào chứng từ ghi sổ vào sổ cái tài khoản.
- Ưu điểm: Kết cấu mẫu đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu.
- Nhược điểm: Ghi chép còn trùng lặp, khối lượng ghi chép nhiều.
- Các sổ kế toán sử dụng:
 - + Chứng từ ghi sổ
 - + Sổ Đăng kí chứng từ ghi sổ
 - + Sổ cái TK
 - + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.16: Trình tự hạch toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



CHƯƠNG 2

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

2.1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Tên công ty	: Công ty cổ phần sơn Hải Phòng
Loại hình doanh nghiệp	: Công ty cổ phần
Tên giao dịch tiếng Anh	: Hai Phong paint join stock company
Trụ sở chính	: 12 Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng
Điện thoại	: 031.3847.003 – 3843287 - 3840512
Fax	: 031.3840512
Vốn điều lệ	: 59.000.000.000
Website	: www.sonhaiiphong.com.vn
Mã số thuế	: 0200575580-1
Tài khoản	: 102010000215811

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty cổ phần sơn Hải Phòng.

Công ty sơn Hải phòng là doanh nghiệp Nhà nước thành lập ngày 25-1-1960, năm 2004 được chuyển đổi thành công ty cổ phần sơn Hải Phòng theo quyết định số 3419 QĐ/UB ngày 26-3-2003 của UBND thành phố Hải Phòng, Công ty có tư cách pháp nhân và hoạt động theo luật doanh nghiệp với Giấy phép kinh doanh số 020300681 ngày 2-1-2004 do sở kế hoạch Hải Phòng cấp.

Từ năm 1990, với định hướng phát triển đúng đắn trong thời kì đổi mới ở Việt Nam, với sự tập trung trí tuệ, phát huy mọi nguồn lực được ban lãnh đạo công ty khởi xướng; Sơn Hải Phòng đã có những bước phát triển nhảy vọt về công nghệ sản xuất và dịch vụ kỹ thuật. Đáp ứng nhu cầu của khách hàng và nhịp độ phát triển kinh tế của đất nước đặc biệt trong lĩnh vực tàu biển, công trình biển, CN và XK.

Năm 1998 công ty đã chuyển giao công nghệ sản xuất sơn tàu biển cao cấp của Chogoku Marine Paint Nhật Bản (CMP). Tiếp đó, năm 2004 công ty đã chuyển

giao công nghệ sơn tĩnh điện của ARSONSISI của Italy, đầu tư dây chuyền sản xuất 1000 tấn/năm. Ngoài ra, công ty còn đầu tư sản xuất sơn giao thông phản quang nóng chảy, thành lập công ty cổ phần SIVICO, tham gia góp vốn với công ty cổ phần tôn mạ màu Việt – Pháp.

2.1.2. Các thành tích công ty đạt được:

Năm 2005 là năm đánh dấu bước ngoặt trong quá trình phát triển của công ty khi được 1 năm cổ phần hóa. Với việc cổ phần hóa đầu tư thêm dây chuyền sản xuất sơn giao thông phản quang công nghệ của hãng DPI – Malaysia, nghiên cứu đưa ra các sản phẩm sơn có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của khách hàng đã làm doanh thu hàng năm tăng trưởng cao hơn hẳn so với thời kì chưa cổ phần hóa. Đời sống cán bộ công nhân viên được cải thiện cả về vật chất lẫn tinh thần biểu hiện thông qua chính sách đãi ngộ đối với cán bộ công nhân viên và mức thu nhập bình quân đầu người tăng cao.

Công ty thực hiện đa dạng hóa các sản phẩm sơn đặc biệt trong lĩnh vực sơn tàu biển, bước đầu tạo uy tín với thị trường trong nước và quốc tế đem lại lợi nhuận lớn cho công ty đóng góp vào kim ngạch xuất khẩu chung của thành phố và đất nước.

Công ty thực hiện đầu tư và góp vốn với Công ty cổ phần tôn mạ màu Việt Pháp, thành lập Công ty cổ phần SIVICO đã mang lại hiệu quả kinh doanh cao làm doanh thu hoạt động tài chính năm sau cao hơn năm trước rất nhiều.

Công ty đã mở thêm nhiều chi nhánh, đại lí mới tại các địa bàn trên cả nước nhằm quảng bá sản phẩm. Đặc biệt với ngành công nghiệp đóng mới tàu biển đang trên đà phát triển mạnh, công ty đã thực hiện đẩy mạnh nghiên cứu và sản xuất sản phẩm sơn tàu biển, sơn công nghiệp có chất lượng cung cấp cho thị trường trong nước và quốc tế. Với việc mở rộng mạng lưới bán hàng, tập trung sản xuất các loại sơn tàu biển đã làm khối lượng hàng hóa gia tăng kéo theo làm tăng doanh thu và lợi nhuận.

Cơ cấu bộ máy được đổi mới theo hướng tinh gọn nhưng hiệu quả quản lý cao. Các cán bộ viên chức, công nhân trong công ty được góp cổ phần tạo lợi thế về

vốn kinh doanh, kích thích công nhân trong toàn công ty sản xuất với ý thức tiết kiệm nhưng số lượng, chất lượng sản phẩm vẫn cao.

Qua đó ta nhận thấy doanh nghiệp đã đi đúng hướng như: đầu tư mở rộng qui mô sản xuất kinh doanh, chiến lược kinh doanh phù hợp, tạo niềm tin vào khách hàng. Nhất là khi công ty chuyển đổi hình thức công ty cổ phần, đã tạo dựng cho mình 1 vị thế mới làm tiền đề cho công ty ngày càng mở rộng phát triển.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần Sơn Hải Phòng:

Công ty Cổ Phần Sơn Hải Phòng là một doanh nghiệp sản xuất, hạch toán độc lập của nhà nước và có đủ tư cách pháp nhân, hoạt động sản xuất kinh doanh sơn các loại, kinh doanh vật tư thiết bị, hoá chất, kinh doanh thương mại, dịch vụ xuất nhập khẩu và dịch vụ khác.

Công ty hiện có trên 150 loại sản phẩm sơn gốc Alkyd, cao su clo hóa, epoxy, acrylic, polyurethane, sơn tấm lợp, sơn tĩnh điện... phục vụ cho các lĩnh vực công nghiệp như:

- Tàu biển , công trình biển, dàn khoan dầu khí
- Công nghiệp nặng: Nhà máy lọc dầu, nhà máy thủy điện, xi măng, giấy, đường, hóa chất...
- Cầu thép, chỉ giới giao thông
- Các lĩnh vực công nghiệp và dân dụng
- Sơn tĩnh điện

Thị trường tiêu thụ sản phẩm cung cấp trực tiếp hoặc qua hệ thống chi nhánh, đại diện và các đại lí trên toàn quốc.

- Văn phòng giao dịch bán hàng:
 - Trụ sở chính: Số 12 Lạch Tray - Ngô Quyền – Hải Phòng.
 - Diện tích mặt bằng: 2500m²
 - Nhà phân phối chính: Công ty cổ phần sơn tàu biển VINASHIN số 149/1H Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh
 - Đại diện Hà Nội: Số 166C – Đội Cấn – Ba Đình – Hà Nội.

- Nhà máy sản xuất:
 - Địa chỉ: Đường 208 An Đông – An Dương - Hải Phòng.
 - Diện tích mặt bằng: 27000m²
 - Công suất nhà máy: 6000 tấn/năm. Dự kiến năm 2009 sẽ mở rộng 10000 tấn/năm.
- Đặc điểm sản xuất và dây truyền công nghệ:
 - Dây truyền sản xuất hiện đại, đồng bộ, khép kín.
 - Công nghệ sản xuất tiên tiến được chuyển giao từ: Chugoku Marine Paint (CMP) Nhật Bản, một trong những hãng sơn hàng đầu thế giới về sơn tàu biển, công trình biển.
 - Công nghệ sơn tĩnh điện được chuyển giao từ hãng ARSONSISI Italia sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn quốc tế JISK 5400 và tiêu chuẩn Châu Âu.
 - Hệ thống quản lý tiên tiến đạt tiêu chuẩn ISO 9001: 2000
 - Công ty có phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025

2.1.4. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

Hình thức tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần sơn Hải Phòng theo mô hình trực tuyến chức năng của từng bộ phận như sau:

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản trị cao nhất của công ty. Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên, có toàn quyền nhân danh công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty phù hợp với pháp luật quản lý hoặc chỉ đạo hoạt động kinh doanh và các việc khác của công ty trong phạm vi hoạt động của mình.

Ban kiểm soát: gồm 3 thành viên do hội đồng cổ đông trực tiếp bầu ra. Đây là tổ chức thay mặt các cổ đông kiểm soát các hoạt động kinh doanh và điều hành công ty theo đúng luật.

Tổng giám đốc: đồng thời là chủ tịch hội đồng quản trị, là người đứng đầu công ty chịu trách nhiệm trước Nhà nước về mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Tổng giám đốc là người đại diện toàn quyền của công ty trong mọi hoạt động kinh doanh, có quyền kí kết hợp đồng kinh tế có liên quan đến mọi hoạt động sản xuất

kinh doanh của công ty và chịu trách nhiệm trước cấp trên về mọi hoạt động đó, có quyền tổ chức bộ máy.

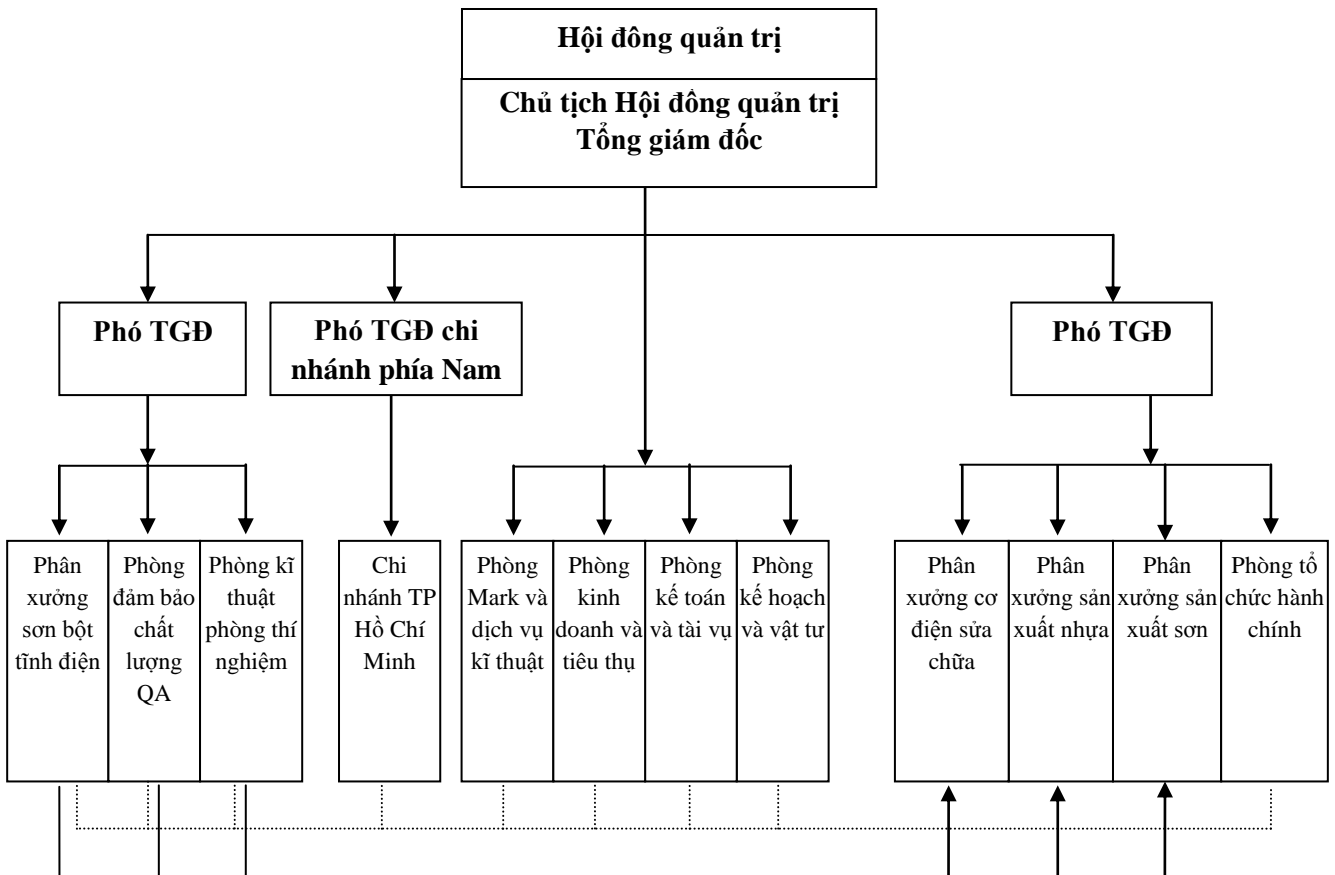
Phó tổng giám đốc: hiện nay công ty có 1 phó tổng giám đốc phụ trách sản xuất và nội chính chịu trách nhiệm về công tác sản xuất sản phẩm đồng thời phụ trách công tác thanh tra bảo vệ, hành chính tiền lương, công tác thi đua, bảo vệ chính trị nội bộ, công tác đoàn thể quần chúng chỉ đạo các phân xưởng sản xuất theo kế hoạch chỉ đạo khi tổng giám đốc đi vắng.

Kế toán trưởng: giúp cho tổng giám đốc thực hiện pháp lệnh kế toán thống kê và điều lệ kế toán của Nhà nước trong hoạt động kinh doanh của công ty.

Trưởng phòng: chịu trách nhiệm trước giám đốc về công việc của phòng mình có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị kỹ thuật và nghiệp vụ theo chức năng và nhiệm vụ của phòng mình.

Các đơn vị phòng ban phân xưởng: là bộ phận trực tiếp quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao. Tổ chức có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh – dịch vụ tham mưu đề xuất với giám đốc các vấn đề về tổ chức sản xuất kinh doanh – dịch vụ của bộ phận.

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành công ty



Ghi chú: → Mọi quan hệ chỉ đạo và thực hiện
 Mọi quan hệ hỗ trợ giữa các đơn vị

2.2. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

2.2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty cổ phần sơn Hải Phòng được tổ chức theo mô hình tập trung, nhằm tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng. Phòng kế toán có 6 người với nhiệm vụ:

- **Kế toán trưởng – kế toán tổng hợp và kế toán TSCĐ**: là người chỉ đạo chung mọi công việc của phòng kế toán tài vụ, có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát mọi sổ sách kế toán và chịu trách nhiệm trước giám đốc về toàn bộ hoạt động kế toán của

công ty. Đồng thời là người theo dõi tình hình tăng giảm của TSCĐ trong toàn công ty, tính khấu hao TSCĐ và theo dõi tình hình sửa chữa TSCĐ.

- **Kế toán nhập xuất NVL – thủ quỹ:** có nhiệm vụ theo dõi và quản lý toàn bộ NVL, nhập, xuất, tồn kho phục vụ cho sản xuất. Đồng thời có nhiệm vụ thu - chi khi đã có chứng từ được giám đốc và kế toán trưởng ký duyệt, theo dõi tiền mặt thực tế với sổ sách.

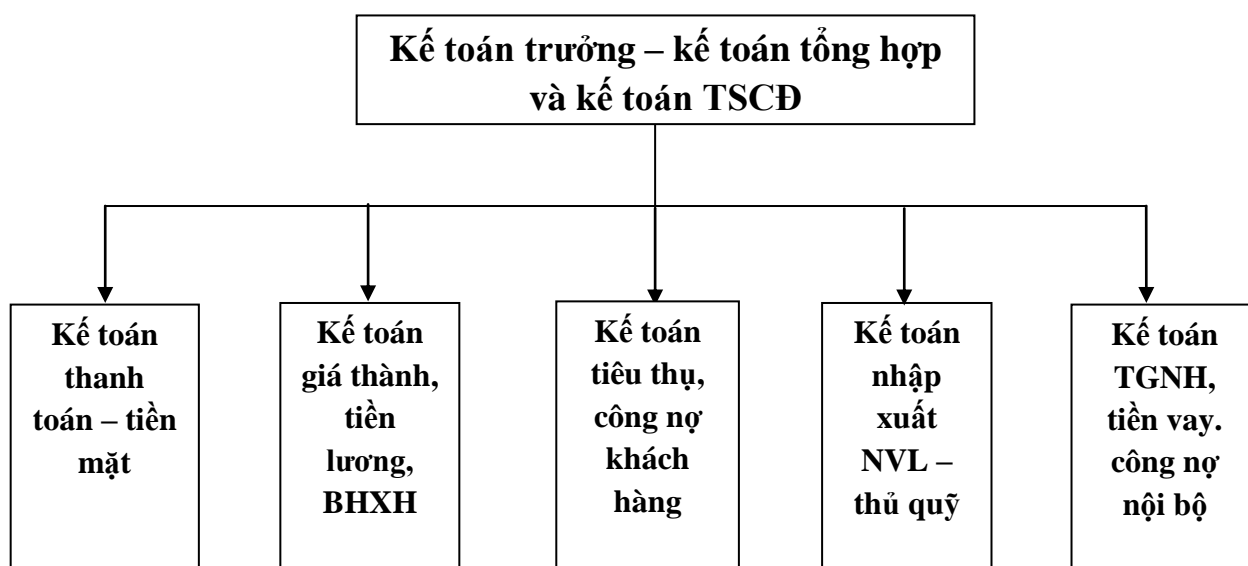
- **Kế toán tiền gửi ngân hàng, tiền vay và công nợ nội bộ:** theo dõi tình hình thu – chi, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngân hàng, tình hình vay nợ và vay nợ nội bộ.

- **Kế toán tiêu thụ và công nợ khách hàng:** tình hình bán hàng và tình hình thanh toán tiền hàng của khách hàng.

- **Kế toán giá thành, tiền lương, BHXH:** có nhiệm vụ tính giá thành sản phẩm và thanh toán tạm ứng lương, trích BHXH.

- **Kế toán thanh toán – tiền mặt:** theo dõi tình hình thanh toán với các nhà cung cấp dịch vụ và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền mặt.

Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty cổ phần sơn Hải Phòng



2.2.2. Chính sách và phương pháp kế toán tại công ty cổ phần sơn Hải Phòng.

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán mới ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Hình thức kế toán áp dụng tại công ty là hình thức “Chứng từ ghi sổ”. Bên cạnh đó việc sử dụng kế toán máy là công cụ hữu ích giúp giải quyết nhanh các thao tác kế toán, đồng thời dữ liệu in ra từ máy được sử dụng làm bản lưu trữ dữ liệu tại công ty. Công ty sử dụng phần mềm kế toán CADS được thiết kế theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

2.3. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG.

2.3.1. Tổ chức kế toán doanh thu tại công ty cổ phần sơn Hải Phòng

2.3.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

❖ Các phương thức bán hàng:

- ***Bán buôn (đại lý):*** Bán cho các khách hàng, các đại lý mua theo hợp đồng kinh tế đã được ký kết trước với công ty.

- ***Bán lẻ hàng hóa:*** Khách hàng trực tiếp đến cửa hàng của công ty để mua hàng.

❖ Phương thức thanh toán:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chủ yếu của công ty là từ bán thành phẩm (TK 155). Các phương thức thanh toán tiền hàng áp dụng tại công ty là:

- ***Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt:*** áp dụng cho khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc những khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay.

- ***Thanh toán chậm:*** phương thức này áp dụng cho khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp.

- ***Thanh toán qua ngân hàng:*** hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả phí cho ngân hàng.

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
 - + TK 5111 – Doanh thu bán sơn tàu biển.
 - + TK 5112 – Doanh thu bán sơn Chugoku.
 - + TK 5114 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.
 - + TK 5115 – Doanh thu sơn xuất khẩu
 - + TK 5117 – Doanh thu không chịu thuế.
 - + TK 5118 – Doanh thu sản phẩm hàng hóa khác.
- Các tài khoản khác có liên quan: TK 632, TK 111, TK131,...

❖ Chứng từ sử dụng:

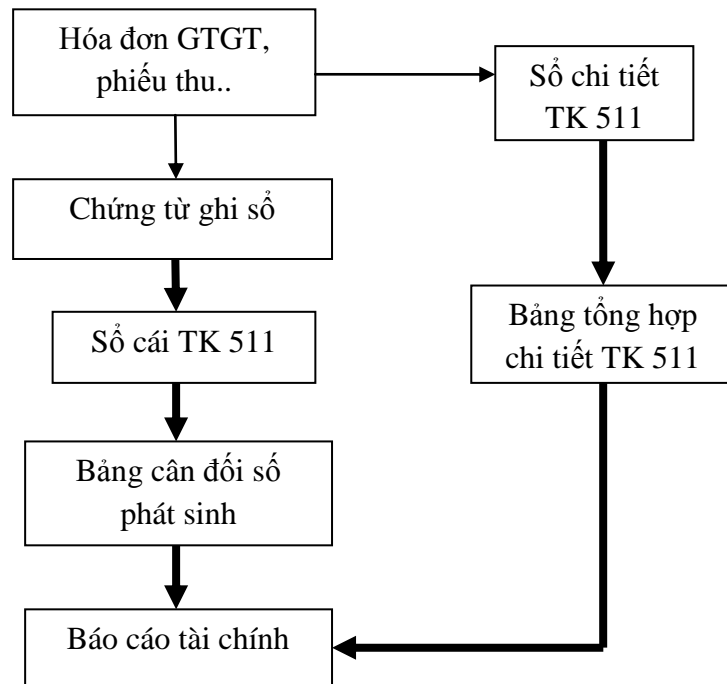
- Hợp đồng mua bán hàng hóa.
- Hoá đơn GTGT.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Bảng kê hàng hóa bán ra.
- Các chứng từ khác.

❖ Sổ sách sử dụng:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ chi tiết TK 511
- Sổ cái TK 511.

❖ Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Chú thích:

- Ghi hàng ngày hoặc định kì
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu
- Ghi cuối tháng

➤ Ngày 05/12/2009 bán hàng cho Công ty cơ khí Hà Bắc.

- Căn cứ vào hợp đồng kế toán lập hóa đơn GTGT 042635 (Biểu 2.1).

- Căn cứ vào HĐGTGT, kế toán lập Chứng từ ghi sổ số 351(Biểu 2.2).

- Từ Chứng từ ghi sổ vào Sổ cái TK 511 (Biểu 2.3).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 – GTKT – 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		MG/2009B			
Liên 1: Lưu nội bộ		0042635			
Ngày 05/12/2009					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng					
Địa chỉ: 12 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Số tài khoản: 102010000215811					
Điện thoại 031.3847.003MS: 0200575580					
Họ và tên người mua hàng: Ngô Tuấn Biên					
Tên đơn vị: Công ty cơ khí hóa chất Hà Bắc					
Địa chỉ: Xã Thọ Xương, TX Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM.....MS 02001155480					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Sơn tàu biển	Thùng	3852	35.640	137.285.280
Cộng tiền hàng					137.285.280
Thuế suất GTGT		5%			6.864.264
Tổng cộng tiền thanh toán					144.149.544
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm bốn mươi bốn triệu một trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Kí, ghi rõ họ tên)		(Kí, ghi rõ họ tên)		(Kí, ghi rõ họ tên)	

(Biểu 2.1)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02a-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 351

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
DTBH – Cty cơ khí hóa chất Hà Bắc	111	5111	137.285.280	042635	5/12
Thuế GTGT phải nộp	111	3331	6.864.264	042635	5/12
DTBH – Cty lắp máy 69-1	111	5112	375.664.355	042636	6/12
Thuế GTGT phải nộp	111	3331	18.783.318	042636	6/12
.....					
Cộng			5.080.537.699		

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(**Biểu 2.2**)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02c1-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK

Từ ngày 1/12/2009 đến ngày 31/12/2009

TK 511 – Doanh thu bán hàng

NT ghi số	CTGS		Trích yếu	TK Đ.Ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kì			
			Tổng phát sinh		10.432.112.904	10.432.112.904
			Dư cuối kì			
31/12	351	31/12	Doanh thu BH & CCDV tháng 12, thu TM	111		3.087.557.689
31/12	352	31/12	Doanh thu BH & CCDV tháng 12, thu TGNH	112		2.087.907.650
....		
31/12	456	31/12	K/c doanh thu bán hàng	911	10.432.112.904	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích sổ cái TK 511 – tháng 12/2009)

(**Biểu 2.3**)

Công ty cổ phần sơn Hải Phòng.

SỔ CHI TIẾT TK

Từ ngày 1/12/2009 đến ngày 31/12/2009

TK 5111 – Doanh thu bán hàng – Sơn tàu biển

Dư nợ đầu tháng

Phát sinh nợ: 2.884.098.786

Phát sinh có: 2.884.098.786

Dư nợ cuối tháng

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK Đ.U'	Phát sinh nợ	Phát sinh có
02/12	042634	Hóa đơn BH (Cty TNHH Thế Chính)	131		428.897.890
05/12	042635	Hóa đơn BH (Cty hóa chất Hà Bắc)	1111		137.285.280
				
08/12	042638	Hóa đơn BH (Cty TNHH Hùng Vũ)	1111		85.798.542
				

(**Biểu 2.4**)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

BẢNG KÊ HÀNG HÓA DỊCH VỤ BÁN RA

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT)

Tháng 12/2009

Tên cơ sở kinh doanh: Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng

Địa chỉ: số 12 - Lạch Tray - Hải Phòng

Chứng từ		Tên người mua	MST của người mua	Tên hàng	Số lượng (thùng)	Doanh số bán (chưa có thuế)	Thuế suất (%)	Thuế GTGT
Số HĐ	NT							
042634	02/12	Cty TNHH Thế Chính	02002886421	Sơn tàu biển	3120	428.897.890	5	21.444.895
042635	05/12	Cty hóa chất Hà Bắc	02001155480	Sơn tàu biển	3852	137.285.280	5	6.846.264
042636	06/12	Cty lắp máy và XD 69-1	02001306871	Sơn Chugoku	3421	375.664.355	5	18.783.218
042638	08/12	Cty TNHH Hùng Vũ	02001548011	Sơn tàu biển	2231	85.789.542	5	4.289.477
							
042647	31/12	Cty Sông Thu	01001056091	Sơn Laws	3429	90.678.562	5	4.533.928
		Tổng cộng				10.432.112.904		55.915.782

(**Biểu 2.5**)

2.3.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ

Hiện nay, sản phẩm của công ty đã chiếm một vị trí đáng kể trên thị trường những nhà cung cấp sơn hàng đầu Việt Nam đặc biệt trong lĩnh vực sơn tàu biển, công trình biển.

Mặc dù đã có những cải tiến trong quá trình sản xuất và tiêu thụ nhưng vẫn còn tồn tại một số lượng hàng bị trả lại làm cho doanh thu bị giảm. Lý do có thể do khâu vận chuyển, bảo quản dẫn đến hàng bị giảm chất lượng hoặc sai sót mẫu mã quy cách so với yêu cầu chung.

Bên cạnh đó công ty cũng áp dụng mức giảm giá hàng bán cho những hàng có sai sót về quy cách, phẩm chất so với điều khoản ghi trong hợp đồng. Tỷ lệ giảm giá phụ thuộc vào khối lượng mà khách hàng mua. Giảm giá hàng bán được ghi nhận khi hai bên mua và bán đồng ý giảm giá cho khối lượng hàng hóa đã bán và người mua chấp nhận mua số hàng đó với điều kiện bên bán giảm giá hàng bán.

Chiết khấu thương mại là một trong những phương thức nhằm kích thích tiêu thụ hàng hóa. Tuy nhiên tại công ty không áp dụng phương thức này trong kinh doanh hàng hóa. Vì thế trong hạch toán công ty không sử dụng tài khoản 521.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- + TK 531 – Hàng bán bị trả lại
- + TK 532 – Giảm giá hàng bán

❖ **Sổ sách sử dụng:**

- + Sổ cái TK 531, 532
- + Sổ sách chứng từ có liên quan.

(Tháng 12 tại công ty không phát sinh nghiệp vụ về hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán nên em không trích dẫn nghiệp vụ này).

2.3.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính là tài khoản phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính tại công ty cổ phần sơn Hải Phòng gồm các khoản sau:

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ trên cơ sở chứng từ thực tế.

- Cổ tức được chia ghi nhận trên cơ sở tỉ lệ góp vốn và lợi nhuận được chia.

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 5151: Doanh thu hoạt động tài chính từ lãi tiền gửi

- TK 5152: Doanh thu hoạt động tài chính từ cổ tức được chia, lợi nhuận được chia.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có của Ngân hàng

- Các chứng từ khác có liên quan.

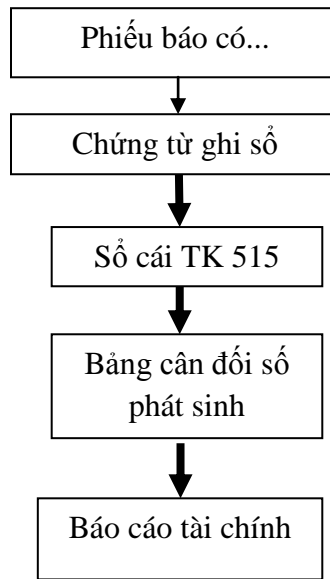
❖ Sổ sách sử dụng:

- Chứng từ ghi sổ

- Sổ cái TK 515

❖ Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



- Ngày 31/12/2009 Công ty thu lãi tiền gửi T12/2009 của Ngân hàng Techcombank, với số tiền là:1.111.075 đồng. (Phiếu báo có số 23 của Ngân hàng Techcombank (Biểu 2.6)
- Căn cứ vào PBC, kế toán lập Chứng từ ghi sổ số 352 (Biểu 2.7)
 - Từ Chứng từ ghi sổ, kế toán vào Sổ cái TK 515 (Biểu 2.8).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Theo công văn số 21208/CT/AC

TECHCOMBANK KIEN AN

TECHCOMBANK

Cục thuế Hà Nội

MST: 0100202095011

PHIẾU BÁO CÁO

Số: 23

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG Số tài khoản: 102010000215811

Địa chỉ : 12 Lạch Tray – Hải Phòng

Loại tiền: VND

MST : 0200575580-1

Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN

Số ID khách hàng : 20788765

Số bút hạch toán: FT0832660039/HPG

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Lãi tiền gửi tại ngân hàng Techcombank	1.1111.075,00
Tổng số tiền	1.111.075,00

Tiền bằng chữ: **Một triệu một trăm mười một nghìn không trăm bảy mươi lăm VND chẵn**

Trích yếu : LÃI TIỀN GỬI NGÂN HÀNG TECHCOMBANK

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

PHÒNG GIAO DỊCH
TECHCOMBANK KIẾN AN

(Biểu 2.6)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02a-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 352

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
.....					
DTBH – Cty TNHH Sông Thu	112	5118	45.235.642	042648	14/12
Thuế GTGT phải nộp	112	3331	2.261.782	042648	14/12
Nhận cổ tức được chia	112	5152	25.956.467	PBC 21	31/12
Thu lãi tiền gửi ngân hàng techcombank T.12	112	5151	1.111.075	PBC 23	31/12
.....					
Cộng			3.019.231.331		

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(**Biểu 2.7**)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02c1-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK

Từ ngày 1/12/2009 đến ngày 31/12/2009

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

NT ghi số	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kì			
			Tổng phát sinh		35.456.455	35.456.455
			Dư cuối kì			
31/12	351	31/12	Lợi nhuận được chia	111		8.388.913
31/12	352	31/12	Thu lãi TGNH tháng 12 + cổ tức được chia.	112		27.067.542
31/12	456	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính	911	35.456.455	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích sổ cái TK 515 – tháng 12/2009)

(**Biểu 2.8**)

2.3.1.4. Kế toán thu nhập khác.

Thu nhập khác là tài khoản dùng để phản ánh khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Nội dung của thu nhập khác tại công ty cổ phần sơn Hải Phòng gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Tiền thu được do khách hàng vi phạm hợp đồng.

❖ Tài khoản sử dụng:

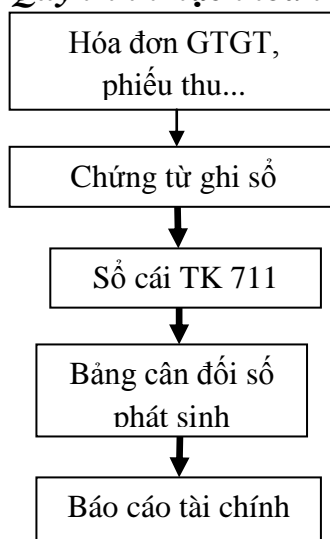
- TK 711 – Thu nhập khác

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

❖ Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán thu nhập khác



➤ Ngày 25/12/2009 Công ty nhượng bán 1 máy kéo thu nhập từ nhượng bán 16.995.867 đồng (chưa VAT 5%). Hóa đơn GTGT 042652.

- Căn cứ vào HĐ thanh lý, kế toán lập Chứng từ ghi sổ 353 (Biểu 2.9)
- Từ Chứng từ ghi sổ vào Sổ cái TK 711 (Biểu 2.10).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 – GTKT – 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		HB/2009B			
Liên 1: Lưu nội bộ		0042652.			
Ngày 25/12/2009					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng					
Địa chỉ: 12 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Số tài khoản: 102010000215811					
Điện thoại: 031.3847.003:MS: 0200575580					
Họ và tên người mua hàng: Hoàng Ngọc Mai					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Thắng Lợi					
Địa chỉ: Xã Phù Ninh, Thủy Nguyên, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM.....MS :.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy kéo (Nhượng bán)	Chiếc	1		16.995.867
Cộng tiền hàng					16.995.867
Thuế suất GTGT		5%			899.586
Tổng cộng tiền thanh toán					17.895.453
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu tám trăm chín năm nghìn bốn trăm năm ba đồng					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Kí, ghi rõ họ tên)		(Kí, ghi rõ họ tên)		(Kí, ghi rõ họ tên)	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02a-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 351

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
.....					
Thu nhập khác từ nhượng bán TSCĐ	111	711	16.995.867	042652	25/12
Thuế GTGT phải nộp	111	3331	899.586	042652	25/12
Rút TGNH nhập quỹ TM	111	112	30.431.345	PT132	28/12
.....					
Cộng			5.080.537.699		

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(**Biểu 2.9**)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02c1-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK

Từ ngày 1/12/2009 đến ngày 31/12/2009

TK 711 – Thu nhập khác

NT ghi sổ	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kì			
			Tổng phát sinh		29.744.703	29.744.703
			Dư cuối kì			
31/12	351	31/12	Thu nhập từ hoạt động nhượng bán TSCĐ	111		16.995.867
31/12	352	31/12	Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	112		7.752.192
31/12	361	31/12	Các khoản thu do khách hàng vi phạm hợp đồng	131		4.995.644
31/12	456	31/12	K/c thu nhập khác	911	29.744.703	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích sổ cái TK 711 – tháng 12/2009)

(**Biểu 2.10**)

2.3.2. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần sơn Hải Phòng.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ là phần lợi ích mà doanh nghiệp nhận được hoặc tổn thất mà doanh nghiệp phải gánh chịu trong quá trình hoạt động kinh doanh được xác định bằng chênh lệch giữa doanh thu và chi phí tương ứng của doanh nghiệp trong kỳ đó:

$$\text{Kết quả HĐKD} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí}$$

2.3.2.1. Kế toán chi phí tại công ty cổ phần sơn Hải Phòng.

2.3.2.1.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Để phản ánh tình hình hiện có và biến động của hàng hóa cần xác định trị giá hàng nhập kho, xuất kho. Trị giá vốn hàng xuất bán trong kỳ tại công ty được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 632 – Giá vốn hàng bán.

❖ Chứng từ sử dụng:

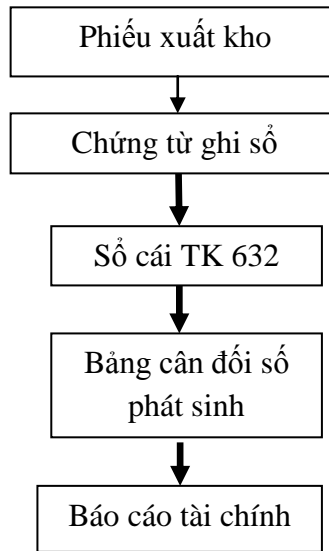
- Phiếu xuất kho: Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên.
 - + Liên 1: Lưu ở bộ phận lập biểu
 - + Liên 2: Giao cho khách hàng
 - + Liên 3: Thủ kho giữ để ghi thẻ kho và sau đó chuyển cho kế toán để ghi sổ.
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, ủy nhiệm thu...

❖ Sổ sách sử dụng:

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ cái TK 632.

❖ Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán



➤ Ngày 5/12/2009 xuất kho Sơn tàu biển bán cho Công ty cơ khí Hà Bắc.

- Căn cứ vào phiếu xuất kho **115 (Biểu 2.11)** kế toán lập Chứng từ ghi sổ số **354 (Biểu 2.12)**
- Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ, kế toán vào Sổ cái **TK 632 (Biểu 2.13)**.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Mẫu số: 02 – VT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006 /QĐ-BTC

ngày 20 /03/2006 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 12 năm 2009

Số CT: 115

-Họ tên người nhận hàng: _____ ()

-Diễn giải: A.Thành

-Xuất tại kho: Kho nguyên vật liệu

STT	Tên vật tư (hàng hóa)	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Sơn tàu biển	9002200	Thùng	3,852		

Thủ trưởng đơn vị

P.KHVT

Người nhận hàng

Thủ kho

(**Biểu 2.11**)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02a-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 354

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
Giá vốn hàng bán	632	1551	117.443.628	PX115	5/12
Giá vốn hàng bán	632	1551	234.453.122	PX116	6/12
Giá vốn hàng bán	632	1552	321.243.532	PX117	8/12
Giá vốn hàng bán	632	1552	644.224.522	PX118	11/12
.....					
Cộng			8.242.564.743		

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Biểu 2.12)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02c1-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK

Từ ngày 1/12/2009 đến ngày 31/12/2009

TK 632 – Giá vốn hàng bán

NT ghi số	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kì			
			Tổng phát sinh		8.242.564.743	8.242.564.743
			Dư cuối kì			
31/12	354	31/12	Giá vốn hàng bán (Xuất kho thành phẩm)	155	8.242.564.743	
31/12	455	31/12	K/c giá vốn hàng bán	911		8.242.564.743

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích sổ cái TK 632 – tháng 12/2009)

(Biểu 2.13)

2.3.2.1.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính là khoản gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ do chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 6351: Lãi tiền vay, phí chuyển tiền
- TK 6352: Lỗ chênh lệch tỉ giá

❖ Chứng từ sử dụng:

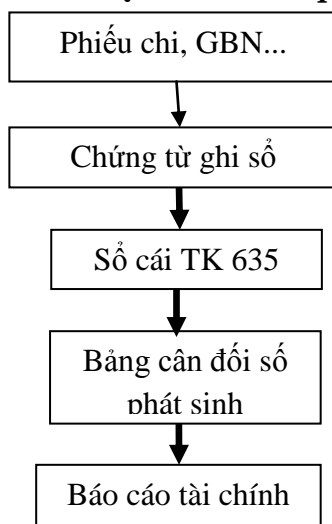
- Giấy báo Nợ.
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Sổ sách sử dụng:

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ cái TK 635

❖ Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính



➤ Ngày 21/12/2009 Công ty trả tiền lãi vay vốn huy động cho Bà Nguyễn Thị Doãn – Phòng hành chính, số tiền là: 4.488.000 đồng. Kế toán lập phiếu chi 551 (Biểu 2.14)

- Căn cứ vào phiếu chi, kế toán lập chứng từ ghi sổ 355 (Biểu 2.15)
- Từ Chứng từ ghi sổ ghi vào Sổ cái TK 635 (Biểu 2.16).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số 01-TT

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 0200575580

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Telefax: 031-84650

PHIẾU CHI

Số CT 551

Ngày: 21/12/2009

Tài khoản ghi nợ 635.....4.488.000 VNĐ

Người nộp tiền: Nguyễn Thị Đoàn

Địa chỉ: Phòng hành chính

Về khoản: Trả lãi vay vốn huy động

Số tiền : **4.488.000 VNĐ**

Bằng chữ : **Bốn triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng chẵn.**

Kèm theo : 01 chứng từ gốc

Giấy giới thiệu số: Ngày: / /

Nhận ngày 21 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Kế toán thanh toán	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

(Biểu 2.14)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02a-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 355

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
Phí chuyển tiền + lãi vay NH.	6351	1121	272.658.360	PBN145	20/12
Trả lãi vay vốn huy động cho n.viên phòng hành chính	6351	1111	4.488.000	PC551	21/12
.....					
Cộng			440.765.035		

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Biểu 2.15)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02c1-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK

Từ ngày 1/12/2009 đến ngày 31/12/2009

TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính

NT ghi sổ	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kì			
			Tổng phát sinh		440.765.035	440.765.035
			Dư cuối kì			
31/12	355	31/12	Phí chuyển tiền + lãi vay NH	1121	272.658.360	
31/12	355	31/12	Trả lãi vay vốn huy động cho n.viên.	1111	98.902.630	
31/12	355	31/12	Lỗ chênh lệch tỷ giá	1112	69.204.045	
31/12	455	31/12	K/c chi phí hoạt động tài chính	911		440.765.035

(Trích sổ cái TK 635 – tháng 12/2009)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(**Biểu 2.16**)

2.3.2.1.3. *Kế toán chi phí bán hàng.*

Chi phí bán hàng là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, cung cấp hàng hóa, dịch vụ bao gồm: chi phí chào bán, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí nhân viên bao bì.
- TK 6413: Chi phí dụng cụ đồ dùng ngoài.
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

❖ Chứng từ sử dụng:

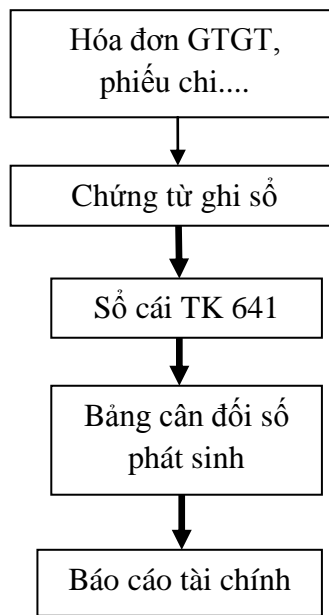
- Hóa đơn GTGT, phiếu chi..
- Bảng tính và phân bổ tiền lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao

❖ Sổ sách sử dụng:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 641

❖ Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng



- Ngày 31/12/2009 Công ty thanh toán tiền ăn ca T12/2009 cho nhân viên bán hàng số tiền là 9.808.000 đồng, kế toán ghi phiếu chi số 588A (Biểu 2.17)
- Căn cứ vào Phiếu chi, kế toán lập Chứng từ ghi sổ 356 (Biểu 2.18)
 - Từ Chứng từ ghi sổ ghi vào Sổ cái TK 641 (Biểu 2.19)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số 01 – TT

Địa chỉ: 12 Lạch Tray, Hải Phòng

Ban hành theo quyết định số 15/2006-BTC

Mã số thuế: 0200575580

ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính

Telefax:031-84650

PHIẾU CHI

Số CT **588A**

Ngày: 31/12/2009

Tài khoản Nợ: 64211..9.808.000 VNĐ

Người nộp tiền : Lương Thi Hiền

Địa chỉ: 15 Hoàng Văn Thụ - Hải Phòng

Về khoản Thanh toán tiền ăn ca T12/2009

Số tiền : **9.808.000 VNĐ**

Bằng chữ : **Chín triệu tám trăm lẻ tám nghìn đồng chẵn.**

Kèm theo : 01 chứng từ gốc

Giấy giới thiệu số: Ngày: / /

Nhận ngày 31 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Kế toán thanh toán	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

(Biểu 2.17)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02a-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 356

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
Thanh toán tiền ăn ca T12/2009 bộ phận bán hàng	641	111	9.808.000	PC588A	31/12
Chi phí khấu hao phục vụ bán hàng	641	214	7.819.312	KH12	31/12
Chi lương cho nhân viên bán hàng	641	334	12.237.544	BL12	31/12
.....					
Cộng			95.234.979		

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(**Biểu 2.18**)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02c1-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK

Từ ngày 1/12/2009 đến ngày 31/12/2009

TK 641 – Chi phí bán hàng

NT ghi số	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kì			
			Tổng phát sinh		95.234.979	95.234.979
			Dư cuối kì			
31/12	356	31/12	Tiền ăn ca bộ phận BH	111	9.808.000	
31/12	356	31/12	Chi phí KH bán hàng	214	7.819.312	
31/12	356	31/12	Lương n.viên bán hàng	334	12.237.544	
...		
31/12	455	31/12	K/c chi phí bán hàng	911		95.234.979

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích sổ cái TK 641 – tháng 12/2009)

(**Biểu 2.19**)

2.3.2.1.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là tài khoản phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài khác (điện, fax, cháy nổ...), chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

❖ Chứng từ sử dụng:

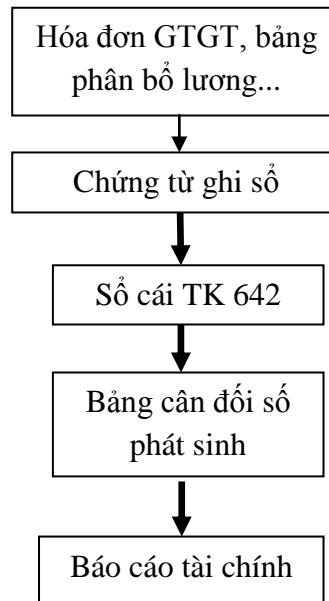
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Bảng phân bổ lương, bảng tính khấu hao TSCĐ...

❖ Sổ sách sử dụng:

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ cái TK 642.

❖ Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



- Ngày 19/12/2009 Công ty thanh toán tiền đồ mực máy photocopy cho công ty TNHH Hà Hoa với tổng số tiền cả thuế là 1.650.000 đồng.
- Căn cứ vào hóa đơn GTGT **082400 (Biểu 2.20)**, kế toán lập Chứng từ ghi sổ số **357 (Biểu 2.21)**.
 - Từ Chứng từ ghi sổ vào Sổ cái **TK 642 (Biểu 2.22)**.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN	Mẫu số: 01 GTKT – 3LL				
GIÁ TRỊ GIA TĂNG	MB/2009B				
Liên 2: Giao cho khách hàng	0082400				
Ngày 19 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng:.....	CÔNG TY TNHH HÀ HOA				
Địa chỉ:.....	15 Hoàng Văn Thụ - Hải Phòng. MST:020040701				
Số tài khoản:.....					
Điện thoại :.....MS:					
Họ và tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần sơn Hải Phòng					
Địa chỉ: 12 Lạch Tray – Hải Phòng.					
Tài khoản: 102010000215811.....Ngân hàng TMCP Công thương					
Hình thức thanh toán:.....TM.....MS:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Mực X256	Hộp			1.500.000
Cộng tiền hàng					1.500.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					150.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.650.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
Nguyễn Thị Nhật				Phạm Vinh Hoa	

(Biểu 2.20)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02a-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 357

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
Chi đồ mực máy photo copy	642	111	1.500.000	PC554	19/12
Chi phí KH phục vụ QLDN	642	214	11.819.312	KH12	31/12
Chi lương cho QLDN	642	334	20.237.544	BL12	31/12
.....					
Cộng			65.687.098		

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(**Biểu 2.21**)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02c1-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK

Từ ngày 1/12/2009 đến ngày 31/12/2009

TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

NT ghi số	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kì			
			Tổng phát sinh		65.687.098	65.687.098
			Dư cuối kì			
31/12	357	31/12	Chi phí bằng tiền mặt	111	1.500.000	
31/12	357	31/12	Chi phí khấu hao TSCĐ	214	11.819.312	
31/12	357	31/12	Chi phí lương cho n.v QLDN	334	20.237.544	
					
31/12	455	31/12	K/c chi phí QLDN	911		65.687.098

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích sổ cái TK 642 – tháng 12/2009)

(**Biểu 2.22**)

2.3.2.1.5. Kế toán chi phí khác.

Chi phí khác phản ánh chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác là những khoản chi phí (lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra.

❖ Tài khoản sử dụng:

• TK 811: Chi phí khác

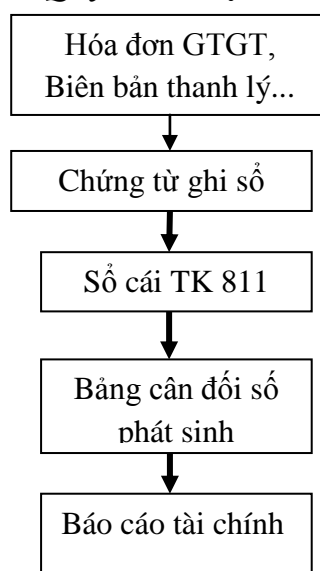
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Các chứng từ khác liên quan.

❖ Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán chi phí khác



- **Chi phí vận chuyển liên quan đến hoạt động thanh lý ngày 15/12/2009 là 2.935.786 đồng, chưa VAT 10%. Hóa đơn GTGT 042653**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT – 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		KB/2009B			
Liên 2: Giao cho khách hàng		0042653			
Ngày 15 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng:.....					
CÔNG TY VẬN TẢI PHƯƠNG ĐÔNG					
Địa chỉ:.....					
82A Lê lai - Hải Phòng.					
Số tài khoản:.....					
MST:025617420					
Điện thoại :.....MS:					
Họ và tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần sơn Hải Phòng					
Địa chỉ: 12 Lạch Tray – Hải Phòng.					
Tài khoản: 102010000215811.....Ngân hàng TMCP Công thương					
Hình thức thanh toán:.....TM.....MS:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí vận chuyển				2.935.786
	/				
Cộng tiền hàng					2.935.786
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					293.578
Tổng cộng tiền thanh toán:					3.229.364
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba triệu hai trăm hai chín nghìn ba trăm sáu tư đồng.</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
Nguyễn Thu Trang				Ngô Tuấn Biển	

(Biểu 2.23)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02a-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 358

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
Chi phí khác từ hoạt động thanh lý.	811	111	2.935.786	042653	15/12
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.	811	112	2.388.343	PC 556	25/12
Cộng			5.324.129		

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(**Biểu 2.24**)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02c1-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK

Từ ngày 1/12/2009 đến ngày 31/12/2009

TK 811 – Chi phí khác

NT ghi số	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kì			
			Tổng phát sinh		5.324.129	5.324.129
			Dư cuối kì			
31/12	358	31/12	Chi phí khác từ hoạt động thanh lý TSCĐ.	111	2.935.786	
31/12	358	31/12	Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.	112	2.388.343	
31/12	455	31/12	K/c chi phí khác	911		5.324.129

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích sổ cái TK 811 – tháng 12/2009)

(**Biểu 2.25**)

2.3.2.1.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính.

❖ Tài khoản sử dụng :

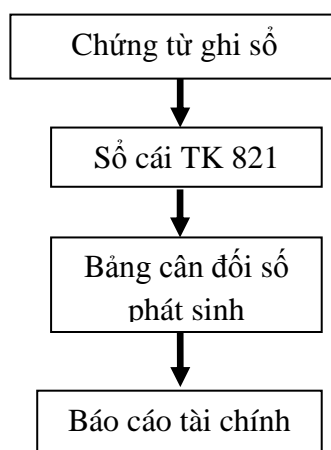
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

❖ Sổ sách sử dụng:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 821

❖ Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.11: Quy trình hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



➤ **Ngày 31/12/2009 Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.**

- Sau khi xác định kết quả kinh doanh, kế toán tính số thuế doanh nghiệp phải nộp và lập Chứng từ ghi sổ số **359 (Biểu 2.26)**.
- Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ, kế toán vào Sổ cái **TK 821 (Biểu 2.27)**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02a-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 359

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
Thuế TNDN phải nộp	8211	3334	180.584.292		31/12
Cộng			180.584.292		

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(**Biểu 2.26**)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02c1-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK

Từ ngày 1/12/2009 đến ngày 31/12/2009

TK 821 – Lợi nhuận chưa phân phối

NT ghi sổ	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kì			
			Tổng phát sinh		180.584.292	180.584.292
			Dư cuối kì			
31/12	359	31/12	Thuế TNDN phải nộp tháng 12	3334	180.584.292	
31/12	445	31/12	K/c chi phí TNDN.	911		180.584.292

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích sổ cái TK 821 – tháng 12/2009)

(**Biểu 2.27**)

2.3.2.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kì kế toán năm.

❖ Tài khoản sử dụng :

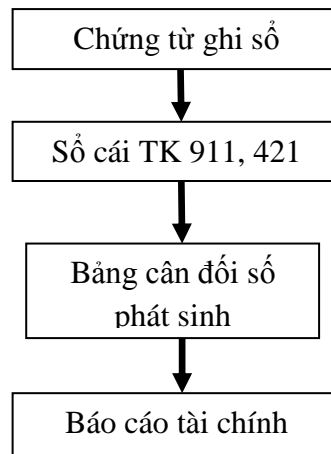
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

❖ Sổ sách sử dụng:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 911, TK 421...

❖ Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.12: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh



➤ **Xác định kết quả kinh doanh tháng 12/2009**

- Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh tháng 12, kế toán lập Chứng từ ghi sổ.
- Từ Chứng từ ghi sổ số **455 (Biểu 2.28)** và số **456 (Biểu 2.29)**, kế toán vào Sổ cái **TK 911 (Biểu 2.30)** và **TK421 (Biểu 2.31)**.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02a-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 455

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
K/c giá vốn hàng bán	911	632	8.242.564.743		31/12
K/c chi phí bán hàng	911	641	95.234.979		31/12
K/c chi phí QLDN	911	642	65.687.098		31/12
K/c chi phí tài chính	911	635	440.765.035		31/12
K/c chi phí khác	911	811	5.342.129		31/12
K/c chi phí TNDN	911	821	180.584.292		31/12
Lợi nhuận chưa phân phối	911	421	1.467.135.782		31/12
Cộng			10.497.314.062		

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Biểu 2.28)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02a-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 456

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
K/c doanh thu bán hàng	511	911	10.432.112.904		31/12
K/c doanh hoạt động TC	515	911	35.456.455		31/12
K/c thu nhập khác	711	911	29.744.703		31/12
Cộng			10.497.314.062		

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(**Biểu 2.29**)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

Mẫu số **S02c1-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK

Từ ngày 1/12/2009 đến ngày 31/12/2009

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

NT ghi số	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			Tổng phát sinh		10.497.314.062	10.497.314.062
			Dư cuối kỳ			
31/12	455	31/12	K/c giá vốn hàng bán	632	8.242.564.743	
31/12	455	31/12	K/c chi phí bán hàng	641	95.234.979	
31/12	455	31/12	K/c chi phí QLDN	642	65.687.098	
31/12	455	31/12	K/c chi phí tài chính	635	440.765.035	
31/12	455	31/12	K/c chi phí khác	811	5.342.129	
31/12	455	31/12	K/c chi phí TNDN	821	180.584.292	
31/12	456	31/12	K/c doanh thu bán hàng	511		10.432.112.904
31/12	456	31/12	K/c doanh hoạt động TC	515		35.456.455
31/12	456	31/12	K/c thu nhập khác	711		29.744.703
31/12	455	31/12	Lợi nhuận chưa phân phối	421	1.467.135.782	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích sổ cái TK 911 – tháng 12/2009)
(**Biểu 2.30**)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02c1-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK

Từ ngày 1/12/2009 đến ngày 31/12/2009

TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

NT ghi số	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kì			
			Tổng phát sinh		452.203.612	1.467.135.782
			Dư cuối kì			1.014.932.170
31/12	454	31/12	Lãi chưa phân phối	414	338.310.723	
31/12	454	31/12	Lãi chưa phân phối	415	472.390.466	
31/12	454	31/12	Lãi chưa phân phối	431	204.230.980	
31/12	455	31/12	Lãi chưa phân phối	911		1.467.135.782

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích sổ cái TK 421 – tháng 12/2009)

(**Biểu 2.31**)

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU – XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG.

3.1. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẬN XÉT VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG.

3.1.1. Ưu điểm

Trải qua gần 50 năm hoạt động và phát triển công ty cổ phần Sơn Hải Phòng đã ngày càng củng cố và phát triển. Những hợp đồng bán hàng với giá trị lớn đáp ứng được yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước phần nào khẳng định được sự trưởng thành, lớn mạnh của công ty. Để có được những thành tựu như ngày nay thì không thể không kể đến những cố gắng, nỗ lực của đội ngũ nhân viên tận tụy, nhiệt tình với công việc chịu khó tìm tòi, học hỏi để đổi mới công ty, xây dựng công ty vững mạnh. Và đặc biệt là của đội ngũ nhân viên kế toán trong công ty với những nỗ lực trong việc theo kịp những yêu cầu về công tác tổ chức và hạch toán kế toán trong điều kiện nền kinh tế nước ta có nhiều sự chuyển biến.

Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh: Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty: Cơ cấu của phòng tài chính kế toán gọn nhẹ, chặt chẽ, mỗi người phụ trách một mảng riêng, có nhiệm vụ và quyền hạn đối với mỗi phần hành của mình. Cán bộ kế toán độc lập, trình độ năng lực chuyên môn cao, nhiệt tình và yêu nghề, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Do vậy mà bộ máy kế toán của công ty luôn ổn định và đảm bảo cho việc theo dõi, báo số hàng tháng của công ty đúng hạn. Điều này giúp cho công tác quản lý của công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

Về hạch toán kế toán nói chung: Nhìn chung công ty thực hiện đầy đủ và chính xác chế độ kế toán cũng như chuẩn mực kế toán hiện hành, cụ thể:

+ **Chứng từ kế toán:** sử dụng chứng từ đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ, tạo điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, kế toán ở phân hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phân hành đó. Vì vậy bảo đảm tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

+ **Về sổ kế toán:** Các sổ kế toán được thực hiện rõ ràng, sạch sẽ và được in ra lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của Nhà nước. Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ, ưu điểm là đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu.

+ **Về hệ thống tài khoản sử dụng:** Công ty sử dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính và chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung.

Về hạch toán kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh: Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế của những thay đổi về chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.

Được sự hướng dẫn của kế toán trưởng của công ty nên công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty hiện nay rất nhanh chóng và chính xác. Đồng thời cùng với sự hỗ trợ đắc lực bởi hệ thống máy vi tính với những chương trình được cài đặt sẵn, phần lớn doanh thu và chi phí đều được hạch toán và theo dõi chi tiết, chặt chẽ theo từng vụ việc giúp cho việc đánh giá hiệu quả của từng hợp đồng kinh tế được dễ dàng. Đồng thời đảm bảo thống nhất về nhiệm vụ và phương pháp tính toán các chỉ tiêu, đáp ứng yêu cầu của ban giám đốc trong việc cung cấp các thông tin một cách kịp thời và chính xác.

3.1.2. Những mặt tồn tại cần khắc phục.

Bên cạnh những ưu điểm về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu - xác định kết quả kinh doanh nói riêng, công ty còn một số mặt tồn tại:

3.1.2.1. Tồn tại 1: Về sổ sách kế toán.

Việc sử dụng mẫu sổ trong hạch toán doanh thu, chưa đủ so với quy định chung của Bộ tài chính (quyết định 15/2006 QĐ – BTC ban hành ngày 20/03/2006). Cụ thể là:

Hiện tại công ty đang sử dụng hình thức Chứng từ ghi sổ, mặc dù Chứng từ ghi sổ đã được lập nhưng thiếu Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ khiến cho việc quản lý các chứng từ ghi sổ không được chặt chẽ, các chứng từ ghi sổ không được sắp xếp thuận lợi cho việc vào Sổ cái, khó khăn cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa Sổ đăng ký chứng từ và Bảng cân đối số phát sinh.

3.1.2.2. Tồn tại 2: Về việc luân chuyển chứng từ

Chứng từ kế toán có vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng. Việc lập phiếu xuất kho ở công ty chưa kịp thời nhanh gọn, luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm bảo đúng thời hạn quy định.

Bên cạnh đó, việc tập hợp luân chuyển chứng từ không có quy định cụ thể về thời gian giao nộp chứng từ của các bộ phận nên gây ra tình trạng chậm trễ trong quá trình đưa chứng từ đến phòng tài vụ để xử lý làm cho chứng từ bị ứ đọng, kỳ sau mới xử lý được gây nên tình trạng quá tải khi chứng từ về cùng một lúc.

3.1.2.3. Tồn tại 3: Chính sách tiêu thụ sản phẩm.

Trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó tạo ra sức hấp dẫn lôi cuốn và thu hút khách hàng.

Công ty cổ phần sơn Hải Phòng trong quá trình tiêu thụ không áp dụng những chính sách ưu đãi về chiết khấu thương mại cho khách hàng mua với số lượng lớn.

Việc không áp dụng chính sách ưu đãi này sẽ làm giảm không nhỏ một số lượng khách hàng của công ty và dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty.

3.1.2.4. Tồn tại 4: Máy móc, trang thiết bị trong công ty

Máy móc, thiết bị đã được đầu tư từ hàng chục năm trước, hầu hết máy móc đều cũ, hỏng hóc nhiều, hoạt động kém hiệu quả, thời gian khấu hao cũng hết, chi phí sửa chữa cao lại hay phải sửa chữa nhiều, sửa chữa thường kéo dài. Một số máy móc không sử dụng được làm ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh, cũng như doanh thu tiêu thụ của công ty.

3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần sơn Hải Phòng.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nói chung và hoàn thiện công tác kế toán doanh thu - xác định kết quả kinh doanh nói riêng là sự cần thiết khách quan. Bởi:

Thứ nhất, do yêu cầu của sự phát triển kinh tế cần thiết phải có những thông tin tài chính chính xác, hiệu quả, đáng tin cậy. Các thông tin kế toán vừa mang tính định tính vừa mang tính định lượng, các thông tin này rất quan trọng đối với những đối tượng sử dụng thông tin. Thông tin kế toán cung cấp không chỉ quan trọng đối với bản thân doanh nghiệp mà còn rất quan trọng với Nhà nước trong việc kiểm tra tình hình chấp hành các chính sách, chế độ, từ đó nghiên cứu bổ xung chính sách, chế độ phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp và điều kiện thực tế của đất nước.

Thứ hai, mỗi doanh nghiệp khi hoạt động sản xuất kinh doanh đều mong muốn đạt hiệu quả kinh doanh cao. Các công ty cần đưa ra những quyết định để nâng cao doanh thu, tiết kiệm và hạ thấp chi phí, không ngừng nâng cao lợi nhuận. Để làm được điều đó thì thông tin về kinh tế, tài chính về kinh tế là rất quan trọng cho bản thân các nhà lãnh đạo doanh nghiệp. Thông tin mà kế toán cung cấp phải đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, hiệu quả để cung cấp tốt nhất cho nhà quản trị, cho các nhà đầu tư,.. Để đảm bảo được yêu cầu sử dụng và cung cấp thông tin, công ty cổ phần sơn Hải Phòng cần hoàn thiện công tác kế toán nói chung đặc biệt là hoàn thiện kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Thứ ba, trong bối cảnh hệ thống kế toán Việt Nam hiện nay đang từng bước trong lộ trình hoàn thiện nhằm phù hợp với sự phát triển của kế toán quốc tế nhưng cũng phải đảm bảo thích hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của Việt Nam. Cụ thể Việt Nam đã ban hành luật kế toán, và gần đây hệ thống chuẩn mực kế toán dựa theo nguyên tắc tuân thủ các thông lệ, chuẩn mực kế toán quốc tế. Tuy nhiên quá trình đổi mới đó đang trong giai đoạn đầu nên khó tránh khỏi những bất cập. Hệ thống kế toán Việt Nam đang cần có những sửa đổi, bổ xung để hoàn thiện sao cho phù hợp với điều kiện Việt Nam. Trong đó, kế toán về doanh thu, xác định kết quả kinh doanh là một phần rất quan trọng cần được hoàn thiện.

Do đó, hoàn thiện kế toán doanh thu – xác định kết quả kinh doanh là một nhu cầu tất yếu và cần thiết trong điều kiện của Việt Nam hiện nay nói chung và tại công ty cổ phần sơn Hải Phòng nói riêng.

3.2.2. Yêu cầu và nội dung hoàn thiện kế toán doanh thu – xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần sơn Hải Phòng.

3.2.2.1. Yêu cầu hoàn thiện

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung, kế toán doanh thu – xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Số liệu kế toán phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh số liệu một cách chính xác, kịp thời là điều kiện hết sức cần thiết và quan trọng đối với các cơ quan chức năng: đối với cơ quan thuế - giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp vào ngân sách Nhà nước; đối với ngân hàng – giúp cho việc tính lãi tiền vay, tiền gửi và việc thu hồi vốn và lãi; đặc biệt là giúp cho ban lãnh đạo của doanh nghiệp trong việc đưa ra phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kỳ kinh doanh tiếp theo.

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng; minh bạch và công khai, đây là điều đặc biệt quan tâm của các doanh nghiệp và đối tác tham gia góp vốn liên doanh, liên kết.

- Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi. Bất kì doanh nghiệp nào dù là tư nhân hay Nhà nước đều có chung mong muốn là tiết kiệm được chi phí, thu được lợi nhuận cao, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

3.2.2.2. Nội dung hoàn thiện

❖ Kiến nghị 1: Về sổ sách kế toán

Công ty còn thiếu sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ trong việc ghi sổ, điều này là chưa phù hợp so với quy định của Bộ tài chính. Vì vậy công ty cần xem xét, bổ sung cho phù hợp, thống nhất với quy định.

+ Nội dung:

Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian (nhật ký). Sổ này vừa để đăng ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, quản lý các chứng từ ghi sổ, vừa để kiểm tra đối chiếu số liệu với bảng cân đối số phát sinh.

+ Kết cấu và phương pháp ghi chép:

- Cột A: Ghi số hiệu của Chứng từ ghi sổ
- Cột B: Ghi ngày, tháng lập Chứng từ ghi sổ
- Cột 1: Ghi số tiền của Chứng từ ghi sổ
- Cuối trang sổ phải cộng số lũy kế để chuyển sang trang sau
- Đầu trang sổ phải ghi số trang trước chuyển sang
- Cuối tháng, cuối năm, kế toán cộng tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, lấy số liệu đối chiếu với Bảng cân đối số phát sinh.

Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ giúp cho việc quản lý các chứng từ ghi sổ được chặt chẽ, các chứng từ ghi sổ được sắp xếp thuận lợi cho việc vào Sổ cái, kiểm tra đối chiếu được dễ dàng giữa sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ với Bảng cân đối số phát sinh. Mẫu sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ theo quyết định 15/2006 QĐ – BTC như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị:

Mẫu số S02b-DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
SH	NT		SH	NT	
A	B	1	A	B	1
Cộng tháng			Cộng tháng		
Cộng lũy kế từ đầu quý			Cộng lũy kế từ đầu quý		

Sổ này có...trang, đánh số thứ tự từ trang số ... đến...

Ngày mở sổ...

Ngày...tháng...năm

Người ghi sổ

(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng

(Kí, họ tên)

Giám đốc

(Kí, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S02b-DN**

Địa chỉ: 12 Lạch Tray - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12 năm 2009

CTGS		Số tiền	CTGS		Số tiền
SH	NT		SH	NT	
A	B	1	A	B	1
....			357	31/12	65.687.098
350	31/12	72.096.334	358	31/12	5.324.129
351	31/12	5.080.537.699	359	31/12	180.584.292
352	31/12	3.019.231.331
353	31/12	5.080.537.699	455	31/12	10.497.314.062
354	31/12	8.242.564.743	456	31/12	10.497.314.062
355	31/12	440.765.035
356	31/12	95.234.979			
Cộng tháng			Cộng tháng		48.014.090.215

Sổ này có...trang, đánh số thứ tự từ trang số ... đến...

Ngày mở sổ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Kí, họ tên)

(Kí, họ tên)

(Kí, họ tên, đóng dấu)

❖ **Kiến nghị 2:** *Về việc luân chuyển chứng từ.*

Việc luân chuyển chứng từ từ kho hay chi nhánh sang phòng tài vụ để xử lý còn chậm trễ gây nhiều khó khăn và ảnh hưởng tới việc xác định giá vốn hàng bán, công việc bị dồn ứ sang tháng sau làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán, làm nhân viên kế toán phải vất vả trong công việc. Vì vậy công ty cần có những biện pháp quy định về ngày luân chuyển chứng từ nhất định trong tháng để việc tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời.

❖ **Kiến nghị 3:** *Về chính sách bán hàng*

Chính sách bán hàng có vai trò rất quan trọng trong việc tiêu thụ hàng hóa, thành phẩm. Vì thế công ty nên xem xét và bổ sung thêm chính sách chiết khấu thương mại nhằm tăng số lượng khách hàng, tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Theo quy định của bộ tài chính, để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng tài khoản 521 và phải đảm bảo nguyên tắc: chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp khách hàng mua nhiều lần mới đạt tới mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán ghi trên hóa đơn lần cuối cùng

❖ **Kiến nghị 4:** *Hoàn thiện hệ thống máy móc, trang thiết bị trong công ty.*

Máy móc, thiết bị đóng vai trò rất lớn trong quá trình sản xuất kinh doanh trong mỗi doanh nghiệp. Tuy nhiên, hầu hết máy móc, thiết bị trong công ty đều cũ, hỏng, một số không sử dụng được làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Vì vậy, công ty nên đầu tư vào việc mua sắm, làm mới máy móc, trang thiết bị để nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như doanh thu, đồng thời giảm được các chi phí về sửa chữa máy móc. Ngoài ra, việc đầu tư mới máy móc, thiết bị sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tính cạnh tranh trên thị trường trong nước cũng như quốc tế.

3.2.3. Một số kiến nghị hoàn thiện kế toán doanh thu – xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần sơn Hải Phòng.

3.2.3.1. Về phía Nhà nước và cơ quan chức năng

+ Nhà nước cần phải xem xét lại toàn bộ các quy định quản lý tài chính về doanh thu, chi phí, loại bỏ những quy định quá cụ thể mang tính bắt buộc không phù hợp với doanh nghiệp.

+ Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng. Ban hành các quyết định, thông tư trong chế độ kế toán mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ tạo điều kiện cho công ty hoạt động dễ dàng và có hiệu quả.

+ Có chính sách hỗ trợ trong quá trình công ty đầu tư trang thiết bị máy móc kỹ thuật để khuyến khích các công ty phát triển.

3.2.3.2. Về phía công ty cổ phần sơn Hải Phòng.

Các công ty là nơi trực tiếp vận dụng và thực hiện kế toán doanh thu - xác định kết quả kinh doanh để tạo điều kiện cho việc hoàn thiện công tác kế toán được hiệu quả, các công ty cần phải:

+ Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế toán tài chính năm 2009, quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm chống lãng phí. Triệt để cắt giảm chi phí không cần thiết, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính, có các biện pháp tích cực thu hồi công nợ, nắm bắt khả năng thanh toán của các đơn vị khách hàng để ngăn ngừa tình trạng thất thoát tiền vốn để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Cần tổ chức sắp xếp lại bộ máy kế toán doanh nghiệp theo hướng kết hợp bộ phận kế toán tài chính và bộ phận kế toán quản trị cùng một bộ máy kế toán. Trên cơ sở đó, bộ phận kế toán quản trị sử dụng các thông tin đầu vào chủ yếu từ kế toán tài chính để thu thập, xử lý và lượng hóa thông tin theo các chức năng riêng.

+ Về nguồn nhân lực kế toán: Có chính sách đào tạo lại cũng như nâng cao nghiệp vụ chuyên môn về kế toán để đội ngũ các nhân viên kế toán nắm vững nghiệp vụ kinh tế, luật kế toán tài chính doanh nghiệp, thích ứng yêu cầu đòi hỏi của nền kinh tế thị trường. Bên cạnh đó đội ngũ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hết lòng vì công việc, nắm vững nghiệp vụ trong vị thế được giao, biết cách thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung của cuốn luận văn tốt nghiệp với đề tài “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP sơn Hải Phòng.

Qua thời gian thực tập được tìm hiểu giữa lí luận với thực tiễn tại công ty cổ phần sơn Hải phòng. Em thấy công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng vừa mang tính lí luận vừa mang tính thực tiễn và là một công cụ quan trọng trong quá trình quản lí doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận không thể thiếu trong toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp. Nó cung cấp các số liệu về kế toán để kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ ...của công ty. Đồng thời phản ánh đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó công ty cổ phần sơn Hải Phòng đã rất coi trọng công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh, từ đó xác định được uy tín với khách hàng và có được vị trí như ngày nay.

Trong quá trình thực tập tại công ty, do trình độ còn hạn chế và thời gian không có nhiều nên chuyên đề không tránh khỏi những thiếu sót. Vậy em rất mong nhận được sự giúp đỡ, đóng góp của ban lãnh đạo công ty, các thầy cô giáo và các anh chị trong phòng kế toán để em hoàn thành chuyên đề này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các thầy cô đặc biệt là Thạc sĩ Lương Khánh Chi cùng các cô chú phòng kế toán trong công ty cổ phần sơn Hải Phòng đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành chuyên đề này.

Hải Phòng, Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Sinh viên

Nguyễn Thị Huế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.	1
2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.	2
4. Phương pháp nghiên cứu.....	2
5. Kết cấu khóa luận tốt nghiệp.....	2
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP.	3
1.1. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN DOANH THU	3
1.1.1. Khái niệm	3
1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu	3
1.1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu	5
1.1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.	5
1.2. TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU TRONG DOANH NGHIỆP.....	6
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	6
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	10
1.2.2.1. Kế toán chiết khấu thương mại.	10
1.2.2.2. Hàng bán bị trả lại.....	11
1.2.2.3. Kế toán giảm giá hàng bán (GGHB).....	12
1.2.2.4. Các khoản thuế làm giảm doanh thu.	13
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.	14
1.2.4. Kế toán thu nhập khác.....	16
1.3. TỔ CHỨC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	18
1.3.1. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất kinh doanh.....	18
1.3.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán	18
1.3.3.1.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng tồn kho.	18

1.3.3.1.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	18
1.3.3.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	22
1.3.3.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.	24
1.3.3.3.1. Kế toán chi phí bán hàng (CPBH).	24
1.3.3.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	25
1.3.3.4. Kế toán chi phí hoạt động khác.	28
1.3.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	30
1.3.2. Kế toán kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh (bán hàng).....	32
1.4. TỔ CHỨC SỔ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.	34
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG	36
2.1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG.....	36
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty cổ phần sơn Hải Phòng.	36
2.1.2. Các thành tích công ty đạt được:.....	37
2.1.3. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần Sơn Hải Phòng:.....	38
2.1.4. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.....	39
2.2. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG	41
2.2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	41
2.2.2. Chính sách và phương pháp kế toán tại công ty cổ phần sơn Hải Phòng.....	42
2.3. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG.....	43
2.3.1. Tổ chức kế toán doanh thu tại công ty cổ phần sơn Hải Phòng.....	43
2.3.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	43
2.3.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ.....	51
2.3.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	52

2.3.1.4. Kế toán thu nhập khác.....	57
2.3.2. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần sơn Hải Phòng.....	61
2.3.2.1. Kế toán chi phí tại công ty cổ phần sơn Hải Phòng.	61
2.3.2.1.1. Kế toán giá vốn hàng bán	61
2.3.2.1.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.	66
2.3.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng.	70
2.3.2.1.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.	75
2.3.2.1.5. Kế toán chi phí khác.....	80
2.3.2.1.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	84
2.3.2.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	87
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU – XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG.....	92
3.1. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẬN XÉT VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG.	92
3.1.1. Ưu điểm.....	92
3.1.2. Những mặt tồn tại cần khắc phục.....	94
3.1.2.1. Tồn tại 1: Về sổ sách kế toán.	94
3.1.2.2. Tồn tại 2: Về việc luân chuyển chứng từ	94
3.1.2.3. Tồn tại 3: Chính sách tiêu thụ sản phẩm.	94
3.1.2.4. Tồn tại 4: Máy móc, trang thiết bị trong công ty.....	95
3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG.	95
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần sơn Hải Phòng.....	95
3.2.2. Yêu cầu và nội dung hoàn thiện kế toán doanh thu – xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần sơn Hải Phòng.....	96

3.2.2.1. Yêu cầu hoàn thiện	96
3.2.2.2. Nội dung hoàn thiện	97
3.2.3. Một số kiến nghị hoàn thiện kế toán doanh thu – xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần sơn Hải Phòng.....	101
3.2.3.1. Về phía Nhà nước và cơ quan chức năng	101
3.2.3.2. Về phía công ty cổ phần sơn Hải Phòng.....	101
KẾT LUẬN	102